



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 27/2021**  
Từ 05/7 - 09/7/2021

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

**ĐIỆN THOẠI**

024.62821016

**EMAIL**

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

**WEBSITE**

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

## TỔNG BÍ THƯ: TOÀN VĂN PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 3

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trách nhiệm, Hội nghị Trung ương 3 đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra và bế mạc vào chiều ngày 08/7. Xin trân trọng giới thiệu toàn văn phát biểu bế mạc Hội nghị của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tới bạn đọc đã được Cổng thông tin điện tử Chính phủ đăng tải.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu bế mạc Hội nghị. Ảnh: VGPNhật Bắc

Kính thưa Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trách nhiệm, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương của chúng ta đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra, kết thúc sớm hơn so với dự kiến được 1 ngày. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, đóng góp nhiều ý kiến trí tuệ, xác đáng vào các báo cáo, đề án. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí cao thông qua Nghị quyết của Hội nghị. Sau đây, để bế mạc Hội nghị, tôi xin được thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư khái quát lại những kết quả chủ yếu đã đạt được và nhấn mạnh thêm một số vấn đề để thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương.

## 1. Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, xem xét các vấn đề một cách khách quan, khoa học, Hội nghị đã thống nhất đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021. Đồng thời, cho ý kiến chỉ đạo hoàn thiện dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 để trình Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ nhất dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 7 này.

Ban Chấp hành Trung ương trân trọng ghi nhận và nhiệt liệt hoan nghênh, biểu dương những nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tổ chức rất thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, đặc biệt là trong phòng, chống đại dịch COVID-19 - đợt bùng phát lần thứ tư, đang diễn biến rất phức tạp và nguy hiểm ở nước ta hiện nay. Nhờ đó, kết quả thực tế đạt được trong nhiệm kỳ khóa XII cao hơn so với số liệu đã trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và báo cáo Quốc hội khóa XIV. Trong 6 tháng đầu năm, chúng ta đã tiếp tục kiên trì thực hiện mục tiêu vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đạt được nhiều kết quả tích cực: Kinh tế tăng trưởng 5,64%, cao hơn so với cùng kỳ năm trước; kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, lạm phát được kiểm soát; thu ngân sách nhà nước đạt trên 58,2% so với dự toán, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2020; hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu tiếp tục phát triển. Đời sống của Nhân dân, nhất là của người lao động ở vùng xảy ra dịch bệnh, vùng có khó khăn tiếp tục được chăm lo. Bản chất tốt đẹp của chế độ ta và tinh thần yêu nước, đoàn kết, "thương người như thể thương thân" của dân tộc ta tiếp tục được phát huy. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Các hoạt động đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh phù hợp với tình hình dịch bệnh trên thế giới, góp phần nâng cao vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam...

Tuy nhiên, Trung ương cũng thẳng thắn lưu ý và chỉ rõ: Trong 6 tháng đầu năm vừa qua, kinh tế - xã hội vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, đất nước ta vẫn đang đứng trước không ít những khó khăn, thách thức mới và lớn, thậm chí gay gắt hơn. Tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, nguy hiểm hơn trước, có thể còn tiếp tục lan rộng, kéo dài, tác động mạnh đến mọi mặt của đời sống xã hội. Thị trường tài chính - tiền tệ, nhất là thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro. Hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân, nhất là ở những vùng, địa bàn và những ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần tiếp tục nỗ lực phấn đấu cao hơn nữa, quán triệt đầy đủ, sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng để xây dựng và tổ chức thực hiện thật tốt các kế hoạch mới có thể hoàn thành thắng lợi được mục tiêu tổng quát đã đề ra cho cả nhiệm kỳ là: Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phần

đầu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 - 2020, để đến năm 2025 Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện có hiệu quả các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch COVID-19, nhanh chóng phục hồi tăng trưởng kinh tế. Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam. Từng bước xây dựng xã hội có trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống của nhân dân yên bình và hạnh phúc. Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Chú trọng bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu: Ngay sau Hội nghị này, Ban Cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương, nghiêm túc tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Trung ương để hoàn thiện thêm một bước các dự thảo kế hoạch trình Quốc hội xem xét, quyết định. Trong quá trình này, cần tiếp tục bám sát các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các chủ trương chính sách, biện pháp mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra để rà soát thật kỹ, chuẩn xác hóa nội dung Tờ trình và Dự thảo các kế hoạch, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với Kế hoạch tài chính quốc gia và Kế hoạch đầu tư công trung hạn; có những giải pháp mang tính đột phá, khả thi cao và sát hợp với thực tế tình hình: Vừa phải tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vừa phải chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh có thể còn tiếp tục kéo dài, thậm chí nguy hiểm, lan rộng nhanh hơn.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần tiếp tục được bổ sung, làm rõ, tạo sự thống nhất cao về các vấn đề lớn, hết sức quan trọng như: Sự đúng đắn, phù hợp của mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, các cân đối lớn của nền kinh tế và 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đề ra. Các cơ chế, chính sách, biện pháp để thực hiện thắng lợi sáu nhiệm vụ trọng tâm và ba đột phá chiến lược đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định để sớm khắc phục những hạn chế, yếu kém tồn đọng từ lâu của nền kinh tế, bảo đảm ổn định ngày càng vững chắc hơn kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế cho phát triển nhanh và bền vững, đặc biệt là các chính sách, biện pháp phát triển văn hóa, xã hội, xây dựng con người, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp vượt qua những khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra. Tập trung nghiên cứu, đề xuất và triển khai xử lý nhanh, dứt điểm các vướng mắc, tồn tại, điểm nghẽn trong quá trình phát triển.

Việc xây dựng kế hoạch tài chính quốc gia cần thấy hết những thuận lợi, thời cơ cũng như những khó khăn, thách thức để xác định một cách đúng đắn, khoa học và có cơ sở thực tế

mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang tác động rất tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội; chú ý bảo đảm tỉ lệ chi hợp lý cho đầu tư phát triển và chi thường xuyên gắn với tinh giản bộ máy, biên chế, cải cách tiền lương, bảo đảm an sinh xã hội... Trong chỉ đạo quản lý, điều hành, cần coi trọng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; bám sát thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo; gắn kết chặt chẽ kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công; tôn trọng các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; chi ngân sách nhà nước trong khả năng của nền kinh tế và vay trong khả năng trả nợ, bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia; coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn cần nhìn thẳng vào sự thật để tìm cho được các nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém tồn đọng từ lâu để đề ra các chính sách, biện pháp có tính đột phá, khả thi cao, tạo ra sự chuyển biến tích cực, rõ nét trong việc khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; giải ngân chậm, nhiều dự án, công trình chậm tiến độ, thua lỗ, thất thoát, lãng phí... Đặt kế hoạch đầu tư công trong tổng thể kế hoạch đầu tư chung của toàn xã hội; gắn đầu tư công với đầu tư xã hội; đầu tư công phải thực sự có trọng tâm, trọng điểm, dẫn dắt và kích hoạt đầu tư của mọi thành phần kinh tế. Tập trung rà soát, loại bỏ những dự án chưa thật sự cần thiết, cấp bách để ưu tiên nguồn vốn cho các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách của quốc gia và các ngành, lĩnh vực, các địa phương, nhất là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có ý nghĩa chiến lược, liên vùng, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững. Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xoá bỏ cơ chế "xin - cho"; chống tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm" trong đầu tư công. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm đi đôi với tăng cường phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện; linh hoạt, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là về thể chế, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh việc giải ngân thực hiện dự án đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng công trình...

## **2. Về các quy chế, quy định của Ban Chấp hành Trung ương**

Hội nghị đã cho ý kiến để hoàn thiện và quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII; Quy định về thi hành Điều lệ Đảng và Quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng nhiệm kỳ khóa XIII. Ban Chấp hành Trung ương đánh giá cao việc chuẩn bị nghiêm túc, công phu, có chất lượng các dự thảo và cơ bản nhất trí với những nội dung do Bộ Chính trị trình; đồng thời cho ý kiến sửa trực tiếp vào các điều khoản cụ thể của từng văn bản. Bộ Chính trị đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến xác đáng và giải trình thấu đáo về các ý kiến khác.

Theo đó, các quy chế, quy định mới đã bám sát Điều lệ Đảng, kế thừa những nội dung cốt lõi của các quy chế, quy định của các khóa trước; đồng thời bổ sung, sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tế tình hình nhiệm kỳ khóa XIII. Tuy nội dung bổ sung, sửa đổi không nhiều nhưng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

khóa XIII đã có những bổ sung, sửa đổi quan trọng liên quan đến trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, của Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (bao gồm cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư), của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Bí thư, đồng chí Thường trực Ban Bí thư, của Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và về chế độ làm việc, phương pháp công tác.

Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII đã quy định rõ hơn các vấn đề liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; trách nhiệm, quyền hạn của Thường trực Ủy ban, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Ủy ban và về mối quan hệ công tác với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban chỉ đạo của Trung ương...

Những nội dung mới của Quy định thi hành Điều lệ Đảng lần này chủ yếu tập trung vào một số vấn đề để làm tốt hơn công tác đảng viên như: Giới thiệu và kết nạp người vào Đảng; công nhận đảng viên chính thức; phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng; một số quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên; việc lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy; sinh hoạt định kỳ của đảng bộ, chi bộ cơ sở; đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên; tổ chức cơ quan kiểm tra; khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên; đảng đoàn và ban cán sự đảng...

Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI đã thể chế, cụ thể hóa các nội dung đã được Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII kết luận tại Nghị quyết số 53-NQ/TW; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng và bổ sung nhiều quy định cụ thể khác liên quan đến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, có tính bản chất, phổ biến hoặc còn thiếu,... nhằm phát huy đầy đủ, đúng đắn hơn nữa chức năng kiểm tra, giám sát của Đảng.

### **3. Về công tác cán bộ**

Ban Chấp hành Trung ương ghi nhận, đánh giá cao những nỗ lực của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan có liên quan trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 2 về kiện toàn một bước cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước thời gian qua; cách chuẩn bị bài bản, chặt chẽ, thận trọng, theo đúng nguyên tắc tập trung, dân chủ, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao. Đồng thời, Trung ương cũng nhất trí cao với phương án do Bộ Chính trị trình về tiếp tục kiện toàn nhân sự các chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí đề xuất, giới thiệu bổ sung 23 nhân sự đảm nhiệm một số chức danh lãnh đạo Nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Cũng tại Hội nghị này, sau khi xem xét các tờ trình của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung hai Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; đồng thời, quyết định thi hành kỷ luật đối với đồng chí Trần Văn Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương bằng hình thức cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng; thi hành

kỷ luật đồng chí Vũ Huy Hoàng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã thành công tốt đẹp. Những nội dung được Trung ương đưa ra xem xét, quyết định tại Hội nghị này có ý nghĩa rất quan trọng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hết sức quan tâm, coi đây là một bước cụ thể hóa sớm và kịp thời Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này sẽ góp phần tích cực vào việc hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương cần nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu thực hiện và lãnh đạo tổ chức thực hiện thật tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương và đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hoàn thành tốt trọng trách của mình trước Đảng, trước nhân dân và đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## CHỦ TỊCH NƯỚC: XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA: 'CÁI LỚN LÀ PHỤC VỤ NHÂN DÂN'

Chiều ngày 03/7, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” đã họp phiên đầu tiên, dưới sự chủ trì của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Phát biểu khai mạc, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc cho biết, ngay sau khi Bộ Chính trị có quyết định thành lập, Chủ tịch nước đã chủ trì nhiều buổi làm việc để có những nội dung phục vụ cho phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo. Trong đó, đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của 12 chuyên gia, nhà khoa học pháp lý hàng đầu khu vực phía Bắc.

Chủ tịch nước nêu rõ, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Trong đó yêu cầu nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước;

xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo các cơ sở nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Cùng với đó là xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định với quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người dân và doanh nghiệp làm trọng tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

Đề án này có phạm vi nghiên cứu rộng, thời gian trình Trung ương vào tháng 10/2022. Do đó phải xây dựng, hoàn thiện rất nhiều nội dung. Trên tinh thần đó, Chủ tịch nước đề nghị các thành viên cho ý kiến vào Kế hoạch xây dựng Đề án; quyết định phân công thành viên Ban Chỉ đạo; đề cương của Đề án; các nội dung nghiên cứu phải bảo đảm tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

“Tinh thần là chúng ta có một đề án có tính chiến lược, thiết thực đối với người dân và cơ quan nhà nước”, Chủ tịch nước nói. Đề án phải bảo đảm khoa học, thực tiễn, không sao chép.

Tại phiên họp, Phó Trưởng ban Ban Nội chính Trung ương Nguyễn Thanh Hải, thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ trưởng tổ biên tập công bố quyết định của Bộ Chính trị thành lập Ban chỉ đạo, báo cáo tóm tắt dự thảo kế hoạch xây dựng đề án, quyết định phân công, đề cương, quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Theo dự thảo kế hoạch, nội dung nghiên cứu của đề án gồm 12 vấn đề; sẽ tổ chức thảo luận, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, nhà khoa học ở Trung ương và địa phương về các vấn đề liên quan đến nội dung của Đề án, hoàn thành trước ngày 30/4/2022.

Góp ý vào các vấn đề cụ thể, các thành viên dự họp cho rằng, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã được làm từ lâu, thể hiện ngay trong Hiến pháp năm 1946. Do đó, cần có sự đánh giá, tổng kết quá trình này qua từng giai đoạn, qua đó xác định những nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới với tầm nhìn 2030 và 2045. Trong đó, có thể tập trung vào thời gian kể từ khi nước ta thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, trọng tâm là từ khi thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và Hiến pháp năm 2013.

Các đại biểu cũng bày tỏ tán thành với Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc về việc dù có nhiều chuyên đề lý luận chuyên sâu về Nhà nước pháp quyền, nhưng cách tiếp cận của Đề án này phải bảo đảm có cách tiếp cận mới, có sự đột phá về thực hiện tầm nhìn đến năm 2045, tránh sao chép.

Trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế sâu rộng thì cần có đánh giá tác động của hội nhập với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của nước ta.

Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật phải hài hòa với luật pháp quốc tế, đáp ứng được việc thực thi các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia và dân tộc.

Bên cạnh đó, cần đánh giá tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 bởi đã xuất hiện nhiều mô hình mới trong nhiều lĩnh vực xuất hiện thì pháp luật cũng phải theo kịp

và điều chỉnh. Cùng với đó là làm rõ mối quan hệ và sự phân cấp, phân quyền giữa chính quyền Trung ương và địa phương; mô hình chính quyền đô thị đang xuất hiện cũng như mô hình mới có thể xuất hiện trong tương lai. Trong quá trình phát triển kinh tế vùng thì cũng cần nghiên cứu thể chế trong lĩnh vực này.

Một số thành viên cho rằng, cần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam gắn với phục vụ việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội chủ nghĩa.

### **"Không phải là một đề án pháp trị"**

Kết luận phiên họp, Chủ tịch nước nêu rõ, đây là Đề án lớn, có tính chiến lược, một Đề án khó, liên quan đến các nhánh quyền lực, nhưng Đề án này nhằm phục vụ nhân dân, tạo điều kiện cho đất nước phát triển với tinh thần dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, “chứ không phải là một đề án pháp trị”. “Cái lớn là ở chỗ đó, phục vụ người dân”.

Chủ tịch nước kết luận, phiên họp cơ bản thống nhất nội dung, chương trình đề ra.

Chủ tịch nước cho biết, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã giao Trung ương khóa XIII nghiên cứu ban hành Nghị quyết về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030 định hướng đến năm 2045 với mục tiêu xây dựng Nhà nước kiến tạo, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định; xây dựng Chính phủ liêm chính, hành động, phục vụ; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch; xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Nhắc lại nội dung này, Chủ tịch nước mong muốn các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan liên quan nêu cao tinh thần trách nhiệm để “chúng ta có một Đề án tốt thực hiện nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng đã giao”. “Chúng ta mong mỗi Chiến lược này đóng góp vào sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới”.

Do đó, yêu cầu quan trọng, bao trùm là xây dựng Đề án cần bám sát các quan điểm, các chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc xây dựng Đề án phải có phương pháp tiếp cận khoa học, có tầm nhìn dài hạn đến năm 2045, phải phù hợp với xu hướng phát triển quốc tế dựa trên cơ sở nghiên cứu có hệ thống về lý luận, thực tiễn đặt ra trong yêu cầu cụ thể của tình hình trong nước. “Khi tiếp xúc các nhà khoa học thì các đồng chí đều nói chúng ta cần phải đặt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ phát triển ở tầm cao, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Chủ tịch nước gợi mở, các vấn đề đưa ra đều cần đánh giá thực trạng một cách khách quan, đánh giá đúng mức xem “chúng ta đang ở đâu và chúng ta phải làm gì”.

Về kế hoạch xây dựng Đề án, các thành viên Ban Chỉ đạo đều thống nhất mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nghiên cứu, các nội dung nghiên cứu và phân công thực hiện Đề án nêu trong dự thảo kế hoạch. Chủ tịch nước lưu ý, Đề án cần bảo đảm tiến độ, đúng thời hạn, chất lượng tốt, “Chứ không bồn cữ chép lại, com nấu lại thành nhão”. Phải phân công trách nhiệm cụ thể của



từng cơ quan, đơn vị, gắn mục tiêu, lộ trình cụ thể với từng công việc. Cùng với đó là huy động được trí tuệ của các chuyên gia, nhà khoa học, mọi tầng lớp Nhân dân qua các cuộc họp, hội nghị, hội thảo.

Về mốc thời gian tổng kết, theo Chủ tịch nước, lấy thời điểm từ khi có Cương lĩnh năm 1991. Tuy nhiên, tùy từng chuyên đề, từng nội dung thì có thể xác định mốc thời gian cụ thể, linh hoạt, phù hợp.

Chủ tịch nước cũng nhất trí, phải sự đột phá trong các nội dung nhưng dựa trên bước đi vững chắc, đặc biệt là lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng. Các chuyên đề có thể đưa ra ý tưởng mới, tư duy mới, nhận thức mới, tầm nhìn rất xa nhưng quan trọng nhất là thuyết phục được các cơ quan có thẩm quyền.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: THỰC HIỆN MỤC TIÊU KÉP ĐỀ ĐEM LẠI HẠNH PHÚC, ẤM NO CHO NHÂN DÂN

Kết luận Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương chiều ngày 02/7, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, càng khó khăn càng phải đẩy mạnh phân cấp phân quyền để phát huy tính tích cực, chủ động, linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành, huy động được sức mạnh đại đoàn kết, truyền cảm hứng cho nhân dân cùng vào cuộc để thực hiện bằng được mục tiêu kép vì hạnh phúc, ấm no của Nhân dân.

Gọi mở thảo luận đầu phiên họp, Thủ tướng Chính phủ đề nghị các đại biểu phát biểu theo tinh thần “5 thật” (nghĩ thật, nói thật, làm thật, hiệu quả thật, Nhân dân và doanh nghiệp được thụ hưởng thật) về tình hình, kết quả 6 tháng, phân tích các nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, đánh giá tình hình, góp ý kiến về các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ trong báo cáo và dự thảo Nghị quyết của Chính phủ.

Trước đó, sau phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2021 về nội dung này, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các cơ quan chức năng tổng hợp, tiếp thu các ý kiến để hoàn thiện các báo cáo và dự thảo Nghị quyết của Chính phủ để gửi lấy ý kiến của các địa phương.

Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ mong muốn các địa phương nêu rõ các bài học kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn để cả nước, các địa phương khác và Chính phủ cùng chia sẻ, nghiên cứu, học hỏi; đề xuất các kiến nghị để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nhất là về thể chế.

Cũng tại cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam đã quán triệt thêm một số nội dung về công tác phòng chống dịch bệnh; Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung thông tin làm rõ thêm về các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử

dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch theo Nghị quyết số 68/NQ-CP vừa được Chính phủ ban hành.

### **Nhiều kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn của địa phương**

Phát biểu tại Hội nghị, lãnh đạo các địa phương đều đánh giá rất cao công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong bối cảnh “vạn sự khởi đầu nan” ngay khi Chính phủ vừa kiện toàn, “khó khăn trăm bề” thời gian qua; nhất trí cao với báo cáo và dự thảo Nghị quyết của Chính phủ, nhất là về các bài học kinh nghiệm được rút ra và 13 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

Các địa phương đều ủng hộ mạnh mẽ quan điểm của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật và khen thưởng nghiêm minh để phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo, linh hoạt của cấp dưới, huy động mọi nguồn lực phát triển.

Chia sẻ các kinh nghiệm tốt trong phòng chống dịch và phát triển kinh tế, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc Hoàng Thị Thúy Lan nhấn mạnh, cần thực hiện nghiêm túc, khoa học, bài bản, sáng tạo các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia.

Lãnh đạo tỉnh lấy ví dụ, khi Thủ tướng nêu quan điểm “chống dịch như chống giặc”, Vĩnh Phúc không coi đó chỉ là một khẩu hiệu mà còn là mệnh lệnh, một căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định chuyển trạng thái sang tình trạng khẩn cấp, từ đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, áp dụng các biện pháp phù hợp tình hình.

Khi Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh tấn công trong phòng chống dịch, tỉnh đã nâng rất nhanh công suất xét nghiệm mỗi ngày từ 5.000 mẫu lên ngay 10.000 mẫu và nay đã đạt 80.000 mẫu, nâng khả năng cách ly lên 10 lần..., với chiến lược bao vây, khoanh vùng, đón đầu, đánh chặn dịch.

Tại Hội nghị trực tuyến, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Giang Dương Văn Thái cho biết tỉnh đã kiên quyết, kiên trì thực hiện mục tiêu kép, vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội, với nhiều giải pháp vừa sản xuất, vừa chống dịch tại các nhà máy, khu công nghiệp. Nhờ đó, nhiều chỉ số kinh tế hết sức tích cực, tăng cao so với năm ngoái. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh, tỉnh đã tiêu thụ tốt 215.000 tấn vải thiều với tổng doanh thu khoảng 6.800 tỷ đồng.

Ông Dương Văn Thái cho biết: Có được điều này là nhờ sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Thủ tướng Chính phủ hằng ngày đều gọi điện chỉ đạo sát sao. Mọi khó khăn, vướng mắc mà tỉnh nêu ra đều được các Bộ, nhất là Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an giải quyết rất nhanh. Cùng với đó là sự hỗ trợ của các địa phương khác, nhất là Lạng Sơn, Lào Cai, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và sự ủng hộ của Nhân dân cả nước.

Bí thư Tỉnh ủy Bắc Ninh Đào Hồng Lan chia sẻ kinh nghiệm “vừa chống dịch, vừa sản xuất” tại các nhà máy, khu công nghiệp, gắn với vai trò, trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, chủ nhà trọ và người lao động đồng hành với các cấp chính quyền. Tỉnh kiến nghị các Bộ, ngành một số nội dung như đẩy mạnh hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại sau dịch; đơn giản

hóa các thủ tục trong hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; thực hiện tốt chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo thỏa thuận giữa tỉnh Bắc Ninh, Bộ Công Thương và Samsung...

### **Nhìn thẳng vào sự thật, khiêm tốn, cầu thị để tự soi, tự sửa**

Kết luận cuộc họp, Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao các ý kiến phát biểu đi thẳng vào vấn đề, tâm huyết, trách nhiệm, sát thực tế. Thủ tướng giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ tiếp thu các ý kiến, hoàn thiện các báo cáo và Nghị quyết, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành để sớm tổ chức thực hiện có hiệu quả trên cả nước.

Nhấn mạnh thêm một số nội dung với các địa phương, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, tình hình 6 tháng cho thấy chúng ta đã và đang thực hiện tốt mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch có hiệu quả, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Về an sinh xã hội, quan trọng nhất là không có ai ở bất cứ nơi nào thiếu ăn, thiếu mặc, kể cả vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Những kết quả, thành tựu tích cực đó đã góp phần tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Tuy nhiên, tăng trưởng GDP vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra. Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc. Giải ngân vốn đầu tư công có nhiều cố gắng nhưng còn chậm, nhất là vốn ODA. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp tại TP. Hồ Chí Minh, một số tỉnh Đông Nam Bộ và miền Trung. Sản xuất kinh doanh, đời sống của một bộ phận người dân gặp khó khăn. An ninh trật tự tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp.

Nguyên nhân của những kết quả, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trước hết, các cấp, các ngành đã nghiêm túc thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Cùng với đó là sự nỗ lực, cố gắng vươn lên của các tất cả các địa phương, của cả hệ thống chính trị để vượt qua khó khăn, thách thức; huy động được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, truyền cảm hứng cho nhân dân cùng vào cuộc với cấp ủy, chính quyền để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Thủ tướng Chính phủ lưu ý, những thành tựu, thành tích là cơ bản, nhưng không được chủ quan, thỏa mãn, say sưa với thắng lợi, “không ngủ quên trên vòng nguyệt quế” như nhắc nhở của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Bên cạnh đó, nguyên nhân của những hạn chế, bất cập là một số địa phương, cơ quan, đơn vị, một bộ phận nhân dân chủ quan, lơ là, mất cảnh giác lúc chưa có dịch bệnh và khi dịch đi qua; mất bản lĩnh, lúng túng, hoảng hốt khi có dịch, đưa ra biện pháp không phù hợp, thiếu hiệu quả, thậm chí cực đoan. Một số người đứng đầu tại địa phương chưa bao quát công việc, quyết tâm chưa cao, nỗ lực chưa lớn, hành động chưa quyết liệt, hiệu quả...

Một nguyên nhân khác là phân cấp, phân quyền chưa triệt để, còn nhiều khâu trung gian, nhiều thủ tục, trách nhiệm không rõ ràng, gây ách tắc công việc, làm giảm hiệu quả điều hành, quản lý. Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, càng khó khăn càng phải đẩy mạnh phân cấp phân quyền để phát huy chủ động, sáng tạo của các cấp.

Việc tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách còn lúng túng, chưa quyết liệt. Các Nghị quyết của Chính phủ đã nêu rõ, người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương phải trực

tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác xây dựng thể chế, pháp luật và rà soát, kiến nghị, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách, nhưng việc này thực hiện còn chậm.

Nguyên nhân thứ năm là chưa huy động các nguồn lực trong nhân dân, trong xã hội, trong doanh nghiệp một cách có hiệu quả. Thời gian tới, để phát triển các hạ tầng chiến lược, phải đẩy mạnh hợp tác công tư, tổng kết, rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm, nhân rộng các mô hình hay để làm tốt hơn trên cơ sở kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa lợi ích của nhà nước, của nhân dân và của nhà đầu tư.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu, từ các nguyên nhân nói trên, mỗi cấp, mỗi ngành, lãnh đạo các địa phương phải nhìn thẳng vào sự thật, khiêm tốn, cầu thị lắng nghe, học hỏi, suy nghĩ để rút kinh nghiệm, tự soi, tự sửa, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình luôn diễn biến rất nhanh, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân và trách nhiệm được cấp trên giao phó.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh 4 bài học kinh nghiệm với các địa phương. Trước hết, phải biết kế thừa những thành quả, kết quả, kinh nghiệm của những người đi trước, các nhiệm kỳ trước, các năm trước, trên tinh thần kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển. Theo Thủ tướng Chính phủ, 6 tháng đầu năm 2020, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm phòng chống dịch nên tăng trưởng GDP không cao như năm nay và 6 tháng đầu năm nay, nhờ kế thừa các bài học từ năm ngoái, chúng ta đã nỗ lực, điều chỉnh để đạt kết quả tốt hơn.

Bài học thứ hai, là càng khó khăn, phức tạp càng phải giữ vững, củng cố đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong nội bộ, trong nhân dân và đoàn kết giữa các địa phương. Thủ tướng nhắc lại việc cả nước hỗ trợ tỉnh Hải Dương phòng chống dịch và ngày hôm qua, hơn 300 cán bộ, sinh viên từ tỉnh Hải Dương đã vào chi viện cho TP. Hồ Chí Minh chống dịch.

Bài học thứ ba, điều rất quan trọng là sự nêu gương của người đứng đầu, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành sát tình hình thực tế, đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, truyền cảm hứng, tạo động lực cho cấp dưới.

Bài học thứ tư, là kịp thời sơ kết, tổng kết, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, xử lý, kỷ luật kịp thời, đúng quy định.

#### **Kiên quyết, kiên trì, chủ động, sáng tạo để thực hiện mục tiêu kép**

Theo Thủ tướng Chính phủ, dự báo tình hình thời gian tới, thuận lợi, thời cơ sẽ đan xen với khó khăn, thách thức, nhưng phải xác định khó khăn, thách thức lớn hơn nhiều so với thuận lợi và thời cơ. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu, không được phép bi quan, sợ sệt, ngược lại, “đã nỗ lực rồi phải nỗ lực lớn hơn, đã quyết tâm rồi phải quyết tâm cao hơn, hành động quyết liệt, mạnh mẽ, đúng hướng, hiệu quả hơn”. Lấy khó khăn, thách thức làm động lực để phấn đấu, vượt qua, khẳng định, trưởng thành và phát triển.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, chúng ta thống nhất chưa thay đổi các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Đại hội đảng các cấp đã xác định, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đã giao. Trên cơ sở đó và căn cứ 2 kịch bản tổng thể được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng (tăng trưởng GDP cả năm 6% theo kịch bản 1 và 6,5% theo kịch bản 2), các địa phương chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện tích cực, chủ động, phù hợp. Kiên quyết, kiên trì thực hiện mục tiêu kép dù

đây là lựa chọn rất khó khăn, không có cách nào khác, chống dịch tốt để phát triển kinh tế - xã hội và phát triển kinh tế để có điều kiện chống dịch thành công.

Thủ tướng Chính phủ chỉ ra 5 quan điểm chỉ đạo trong thời gian tới mà các địa phương cần quán triệt sâu sắc.

Thứ nhất, căn cứ tình hình thực tiễn để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành một cách linh hoạt, đúng hướng, kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội. Có nơi, có lúc phải ưu tiên cho nhiệm vụ phòng chống dịch; có nơi, có lúc phải ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội; có nơi, có lúc phải đồng thời cân bằng, hài hòa cả hai mục tiêu, nhiệm vụ này.

Thứ hai, phát huy cao nhất tính tích cực, chủ động, linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, dứt khoát không thụ động, trông chờ, ỷ lại. Cấp trên không bỏ rơi cấp dưới, cấp dưới không ỷ lại cấp trên.

Thứ ba, phải đoàn kết, thống nhất, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn dân để thực hiện bằng được mục tiêu kép, mang lại hạnh phúc, ấm no cho Nhân dân.

Thứ tư, không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội, văn hóa, môi trường để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trong bối cảnh hiện nay, coi sức khỏe, tính mạng người dân là trên hết, trước hết.

Thứ năm, phải phân cấp, phân quyền mạnh hơn, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, chống tiêu cực, lãng phí, quan liêu. Với tinh thần "biết đến đâu quản lý đến đó", các cơ quan Trung ương tập trung xây dựng chiến lược, quy hoạch; xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách; xây dựng công cụ để huy động các nguồn lực; hướng dẫn kiểm tra, giám sát; thanh tra, kiểm tra; khen thưởng, kỷ luật.

#### **Tập trung rà soát ngay các khó khăn, vướng mắc về thể chế**

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh các nhiệm vụ trong thời gian tới mà các địa phương phải tập trung tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

Trước hết, những nơi đang có dịch phải ưu tiên cho nhiệm vụ chống dịch, phát hiện sớm, cách ly nhanh, khoanh vùng dập dịch tích cực, nhanh chóng ổn định tình hình, phải xác định trọng tâm trọng điểm vì nguồn lực, thời gian đều có hạn. Thực hiện hiệu quả chiến lược vaccine.

Thứ hai, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương phải tập trung rà soát ngay các khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách. Thủ tướng nhắc nhở các cơ quan, đơn vị chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ này và cho biết sẽ tiếp tục nhắc nhở, phê bình và xử lý nghiêm theo quy định.

“Vướng mắc ở đâu phải tìm ra, chỉ rõ để điều chỉnh. Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Chính phủ dứt khoát phải xử lý nhanh, kịp thời, có hiệu quả, đúng quy trình. Nội dung nào thuộc thẩm quyền của Bộ thì Bộ trưởng phải trực tiếp giải quyết, xử lý. Những nội dung vượt quá thẩm quyền thì chúng ta báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý, thuyết phục các cơ quan liên quan trên cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn”, Thủ tướng nhắc nhở.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo điều kiện, cơ hội thuận tiện nhất cho người dân tiếp cận chính sách và giải quyết các công việc. “Trong lúc khó khăn này mà không tháo gỡ cho người dân và doanh nghiệp thì lúc nào?”, Thủ tướng Chính phủ đặt câu hỏi với lãnh đạo các địa phương.

Thứ tư, hết sức năng động, sáng tạo, không để đứt gãy chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu, không để đứt gãy thị trường lao động.

Thứ năm, thúc đẩy giải ngân đầu tư công theo Nghị quyết của Chính phủ, lãnh đạo các địa phương phải vào cuộc kiểm tra, đôn đốc, xác định rõ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khắc phục những hạn chế, bất cập, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất.

Thứ sáu, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, bối cảnh hiện nay là thời cơ để thực hiện việc này.

Thứ bảy, mở rộng thị trường hàng hóa xuất khẩu, vừa qua một số tỉnh đã làm rất tốt công tác này, các địa phương cần phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tham khảo, học hỏi lẫn nhau để làm tốt hơn.

Thứ tám, có giải pháp tăng thu, giảm chi thường xuyên để tập trung cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên, cấp bách.

Thứ chín, đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, càng lúc này càng phải gần dân hơn, hành động quyết liệt hơn.

Thứ mười, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội để người dân an tâm cùng các cấp chính quyền thực hiện tốt mục tiêu kép, “không để người dân đã lo lắng về sức khỏe, dịch bệnh lại phải lo về an ninh, an toàn”.

Mười một, các cấp chính quyền phải coi trọng hơn nữa công tác thông tin - tuyên truyền, vận động nhân dân, không để xảy ra khủng hoảng truyền thông, chủ động đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, thù địch, các thông tin sai trái, sai sự thật. Truyền thông theo tinh thần dễ nghe, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm để người dân chia sẻ khó khăn, truyền cảm hứng, động lực cho người dân vào cuộc với các cấp, các ngành thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## NGÀNH TÀI CHÍNH: PHẤN ĐẤU MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐẠT TỐI THIỂU 95% VÀO NĂM 2025

Bộ Tài chính quyết định ban hành Kế hoạch hành động Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Trong đó, phấn đấu mức độ hài lòng đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công đạt tối thiểu 95% vào năm 2025.

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 917/QĐ-BTC, kèm theo quyết định này là Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

### **Gắn số hóa với giải quyết thủ tục hành chính**

Thực hiện đề án này, quan điểm của Bộ Tài chính là lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền trong ngành Tài chính để giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, thay đổi cách thức quản trị hành chính từ truyền thống sang hiện đại, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, ngành Tài chính số.

Mục tiêu tổng quát của đề án là đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, Bộ Tài chính số, nền kinh tế số, xã hội số.

Nhằm thực hiện hiệu quả đề án, Bộ Tài chính đặt ra các mục tiêu trong trước mắt và lâu dài. Cụ thể trong năm 2021, thực hiện kết nối Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Tài chính với các hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đăng ký doanh nghiệp phục vụ xác thực, định danh và cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa.

Trong năm 2021, Bộ Tài chính sẽ hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng 40% để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa.

Sang năm 2022, Bộ Tài chính đặt mục tiêu: hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và bảo hiểm xã hội (nếu cần thiết) để phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa.

Ngoài ra, hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Tài chính, để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất, liên thông giữa các cấp chính quyền từ trung ương tới địa phương.

Năm 2022, Bộ Tài chính đặt mục tiêu: tối thiểu 30% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó) hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu. Giảm thời gian

chờ đợi của người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận Một cửa xuống trung bình còn tối đa 30 phút/ lần đến giao dịch.

### **100% hồ sơ giải quyết thành công được số hóa, tái sử dụng năm 2025**

Đáng lưu ý, Bộ Tài chính đã đặt ra mục tiêu thực hiện đề án trong giai đoạn tới, từ năm 2023 - 2025. Theo đó, Bộ Tài chính phấn đấu: hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia còn lại phục vụ cho việc cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa.

Đồng thời, tăng tỷ lệ số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công trong mỗi năm thêm 20% cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Bộ Tài chính phấn đấu giai đoạn này 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

Tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tối thiểu đạt 50% số với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tối thiểu từ 80% trở lên hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 100% hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng.

Ngoài ra, giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp xuống trung bình còn tối đa 15 phút/1 lượt giao dịch; thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ tối thiểu 30 phút/1 hồ sơ vào năm 2025.

Bộ Tài chính phấn đấu, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công đạt tối thiểu 95% vào năm 2025.

Thời gian qua, Bộ Tài chính luôn coi cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và quyết liệt triển khai công tác này một cách đồng bộ và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực tài chính. Từ đó, tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, góp phần phát huy mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Theo kết quả công bố mới đây về Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 (PAR Index) của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính xếp vị trí thứ 2 với kết quả Chỉ số cải cách hành chính đạt 94,84%. Đây là năm thứ 7 liên tiếp (2014 - 2020), Bộ Tài chính nằm trong nhóm 3 bộ, cơ quan ngang bộ dẫn đầu PAR Index.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*



## TRIỂN KHAI HAI DỊCH VỤ CÔNG MỨC ĐỘ 4 TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG

Đây là một nhiệm vụ quan trọng của ngành xây dựng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi tham gia giải quyết thủ tục hành chính...

Thực hiện Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2021.

Bộ Xây dựng vừa có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở, ban ngành trong việc tổ chức triển khai dịch vụ công cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ và cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng.

Cụ thể, đối với các địa phương chưa triển khai mức độ 4 hai dịch vụ công này, Bộ Xây dựng đề nghị cần nhanh chóng hoàn thành cấu hình dịch vụ công, người dùng, đơn vị, quy trình, lệ phí (nếu có) trên tài khoản quản trị đã được Bộ Xây dựng cung cấp tại Văn bản số 6030/BXD-VP ngày 17/12/2020 để sử dụng hệ thống tập trung toàn quốc do Bộ Xây dựng triển khai.

Đối với các địa phương đã triển khai mức độ 4 hai dịch vụ công trên hệ thống tập trung của địa phương cần triển khai, tích hợp, kiểm thử, công khai dịch vụ công trên hệ thống tập trung toàn quốc do Bộ Xây dựng triển khai để kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

"Triển khai dịch vụ công cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ và cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia sẽ giúp người dân thuận lợi trong việc xin cấp giấy phép xây dựng và cung cấp thông tin quy hoạch", Bộ Xây dựng nhận định.

Đối với dịch vụ cấp giấy phép xây dựng cho công trình, nhà ở riêng lẻ, người dân có thể khai báo thông tin, thanh toán lệ phí trực tuyến và tra cứu tình trạng hồ sơ rất dễ dàng trên Cổng dịch vụ công.

Sau thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định, người dân sẽ nhận được kết quả giải quyết thủ tục hành chính trả đến tận nhà thông qua dịch vụ Bru chính công ích. Thông qua hệ thống, cán bộ giải quyết thủ tục hành chính cũng có thể yêu cầu người dân bổ sung nếu hồ sơ gửi đến chưa đúng hay chưa đủ thông tin.

Đối với dịch vụ cung cấp thông tin quy hoạch, người dân chỉ cần cung cấp một số thông tin về vị trí, địa điểm lô đất và yêu cầu cấp thông tin thì Ủy ban nhân dân quận, huyện hoặc các Sở chuyên ngành sẽ có trách nhiệm cung cấp thông tin.

"Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng của ngành xây dựng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi tham gia giải quyết 2 thủ tục hành chính nêu trên. Chính vì vậy phải tích cực cụ thể hóa kế hoạch để thực hiện tốt 2 hai dịch vụ công mức độ 4 trong lĩnh vực xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia", Bộ Xây dựng nhấn mạnh.

*Nguồn: vneconomy.vn*

## TỔNG CỤC HẢI QUAN: CUNG CẤP 209 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4

Tổng cục Hải quan vừa có văn bản thông báo cung cấp bổ sung dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho 22 thủ tục hành chính trên Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến HQ36a. Như vậy, với việc bổ sung này, đến nay, Tổng cục Hải quan đã cung cấp 209 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Cụ thể, từ ngày 01/7/2021, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ36a sẽ cung cấp thêm 22 thủ tục hành chính ở mức độ 4. Đây là những thủ tục hành chính mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung trong thời gian vừa qua.

Theo đó, Tổng cục Hải quan đề nghị cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho người làm thủ tục được biết để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến cho 22 thủ tục này. Đồng thời, yêu cầu các đơn vị thực hiện tiếp nhận, phân công, xử lý, trả kết quả hồ sơ trên Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 22 thủ tục hành chính trên theo đúng quy định.

Như vậy, với việc bổ sung cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho 22 thủ tục hành chính này, Tổng cục Hải quan đã cung cấp 209 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, chiếm 88% tổng số thủ tục hành chính do cơ quan hải quan thực hiện trên các hệ thống công nghệ thông tin gồm: Hệ thống Thông quan tự động VNACCS/VCIS; Cổng thông tin một cửa quốc gia; Cổng thanh toán điện tử, Hệ thống HQ36a... Tính từ ngày 01/01 - 15/6/2021, số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 4 được tiếp nhận giải quyết thông qua các hệ thống trên là gần 7 triệu hồ sơ.

Cùng với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên các hệ thống thông tin của Ngành, Tổng cục Hải quan cũng tích cực chuẩn bị để kết nối với hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia. Trong năm 2020, Tổng cục Hải quan đã hoàn thành tích hợp và cung cấp 72 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>. Từ nay đến hết năm 2021, sẽ có thêm 26 dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hải quan được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Với các dịch vụ công trực tuyến đã được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia, ngoài các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành Hải quan, doanh nghiệp có thêm một kênh để có thể thực hiện thủ tục hải quan trên nền tảng Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>. Hồ sơ của các dịch vụ công trực tuyến này đều sẽ được hệ thống tự động đồng bộ về mặt trạng thái (đã tiếp nhận/đang xử lý/chờ phê duyệt...) và thực hiện trả kết quả trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Có thể nói, việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành Hải quan đã đáp ứng tốt yêu cầu triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo thuận lợi thương mại.

Trong giai đoạn hiện nay, cung cấp dịch vụ công trực tuyến không chỉ đơn thuần mang lại những lợi ích về thời gian, chi phí, công khai, minh bạch mà còn là hành động thiết thực góp phần chung tay cùng cả nước chặn đứng dịch bệnh.

*Nguồn: tapchitaichinh.vn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

### \* Về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Theo dự thảo, mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (gọi là Mạng bưu chính KT1) được thiết lập và duy trì hoạt động trong nước để bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước và vận chuyển các tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước qua dịch vụ bưu chính theo các nguyên tắc: Bảo đảm bí mật nhà nước; bảo đảm bí mật, an ninh, an toàn, nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống; thống nhất trong tổ chức, quản lý, vận hành và khai thác; không vì mục đích kinh doanh.

Đối tượng phục vụ của Mạng bưu chính KT1 bao gồm: 1. Cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương được quy định chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này; 2. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước khi gửi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước qua mạng bưu chính KT1.

Dịch vụ được cung cấp trên Mạng bưu chính KT1 (gọi là dịch vụ bưu chính KT1) là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát các bưu gửi KT1 (bao gồm: Thư, gói, kiện tài liệu; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước).

Dự thảo nêu rõ, người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phải đáp ứng về tiêu chuẩn chính trị; có lý lịch rõ ràng; có phẩm chất đạo đức tốt; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức bảo vệ bí mật nhà nước; được đào tạo về nghiệp vụ bưu chính và công tác bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 và phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước bằng văn bản.

Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển bưu gửi KT1 theo độ mật, độ khẩn được ưu tiên khi tham gia giao thông theo quy định của pháp luật.

Việc ứng dụng công nghệ trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phải bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật.

### \* Giảm thời gian cấp giấy phép bưu chính từ 30 ngày xuống 15 ngày

Đây là đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, ngày 17/6/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bru chính về điều kiện, hình thức đầu tư, hoạt động thương mại trong cung ứng dịch vụ bu chính; điều kiện, thẩm quyền, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép bu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bu chính; bồi thường thiệt hại trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bu chính,...

Tuy nhiên, sau gần 10 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, Nghị định số 47/2011/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập và hạn chế cần phải được rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung như: Điều kiện đầu tư, kinh doanh dịch vụ bu chính; trình tự, thủ tục thẩm quyền thu hồi giấy phép bu chính; công tác bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bu chính; áp dụng giá cước, khuyến mại trong lĩnh vực bu chính; thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực bu chính; hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bu chính điện tử... nhằm đáp ứng những yêu cầu mới phát sinh trong công tác quản lý nhà nước; bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với hệ thống pháp luật liên quan và với thực trạng phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ của đất nước hiện nay và trong thời gian tới.

Do vậy, việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2011/NĐ-CP là cần thiết, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, đồng thời tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bu chính; đảm bảo hoạt động cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực bu chính.

Cắt giảm thời gian cấp giấy phép bu chính từ 30 ngày xuống 15 ngày làm việc

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục cấp giấy phép bu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bu chính theo hướng cắt giảm thời gian cấp giấy phép bu chính từ 30 ngày xuống 15 ngày làm việc.

Dự thảo bổ sung quy định chi tiết về thông báo giá cước, niêm yết giá cước dịch vụ bu chính; khuyến mại, giảm giá trong cung ứng dịch vụ bu chính; kiểm tra yếu tố hình thành giá; cung cấp thông tin về phương án bảo đảm an toàn đối với con người, bu gửi và mạng bu chính trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bu chính, hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bu chính.

Bổ sung quy định chi tiết việc nộp hồ sơ, trả kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực bu chính; thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép bu chính; thủ tục sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bu chính.

Bổ sung quy định chi tiết về báo cáo trong lĩnh vực bu chính; bồi thường thiệt hại trên cơ sở thiệt hại thực tế, quy đổi tỷ giá hối đoái, văn bản xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại và bồi thường thiệt hại đối với dịch vụ bu chính quốc tế.

Bên cạnh đó, dự thảo bãi bỏ quy định về việc dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực bu chính có mức vốn từ 15 tỷ đồng trở lên phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

### \* Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê chuyên ngành dân số

Tại dự thảo Thông tư quy định chế độ ghi chép ban đầu và báo cáo thống kê chuyên ngành dân số, Bộ Y tế đề xuất quy định ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý, cập nhật kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

Theo đó, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê chuyên ngành dân số gồm các hoạt động: Hoàn thiện, triển khai phần mềm báo cáo thống kê chuyên ngành dân số; tích hợp, khai thác số liệu thống kê từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, các cơ sở dữ liệu hành chính khác thuộc trách nhiệm được giao phục vụ cho hoạt động thống kê chuyên ngành dân số theo quy định của pháp luật.

Kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số bảo đảm khả năng truy cập, quản lý, tìm kiếm, cập nhật cơ sở dữ liệu, cơ quan được giao quản lý cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số có trách nhiệm: Kiểm tra, bảo quản, sao lưu, phục hồi, cập nhật, kết xuất báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu, chuyển dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số lên đơn vị dân số cấp trên; bảo đảm cơ sở dữ liệu được bảo quản an toàn, xác thực, bảo mật trên các phương tiện lưu trữ.

Cơ sở dữ liệu phải được sao lưu ít nhất 2 bộ, mỗi bộ trên 1 phương tiện lưu trữ độc lập. Việc sao lưu phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn, thống nhất quy trình kiểm tra, sao lưu, phục hồi dữ liệu.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của ngành y tế theo hướng dẫn.

### **Chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành Dân số**

Tại dự thảo, Bộ Y tế đề xuất quy định báo cáo thống kê chuyên ngành dân số của trạm y tế xã, cơ sở cung cấp dịch vụ dân số, trung tâm y tế huyện, chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

Trong đó nêu rõ, ngày họp giao ban về công tác dân số của trạm y tế xã trong thời gian từ ngày 1 đến ngày 3 hằng tháng để kiểm điểm công việc của tháng trước và triển khai nhiệm vụ của tháng sau. Trong ngày họp giao ban, cộng tác viên dân số phải nộp đầy đủ các phiếu thu tin (P0/CTV), bao gồm cả phiếu hộ dân cư (A0/CTV) mới hoặc có thay đổi thông tin (một phiếu A0/CTV được tính như một phiếu P0/CTV). Viên chức dân số xã thẩm định thông tin trong phiếu thu tin và thu thập thông tin khác theo yêu cầu để lập báo cáo.

Đơn vị gửi báo cáo là trạm y tế xã hoặc ban dân số xã. Đơn vị nhận báo cáo: Trung tâm y tế huyện, Ủy ban nhân dân xã (giấy). Thời hạn báo cáo: Chậm nhất ngày 5 sau thời điểm báo cáo.

Trường hợp xã đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, viên chức dân số xã nhập tin từ phiếu P0/CTV vào kho dữ liệu điện tử để lập báo cáo. Trường hợp xã chưa triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, viên chức dân số xã có trách nhiệm nộp đầy đủ phiếu thu tin và báo cáo giấy cho cấp huyện để nhập tin vào kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## **HÀ NỘI: TÍCH HỢP 444 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN LÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA**

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Báo cáo số 175/BC-UBND (ngày 25-6-2021) về công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021 của thành phố.

Báo cáo nêu rõ, trong 6 tháng qua, thành phố đã công bố 254 danh mục thủ tục hành chính, thay thế 14 thủ tục, bãi bỏ 175 thủ tục. Tính đến ngày 10/6, tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố là 1.905, trong đó cấp sở, cơ quan tương đương sở là 1.525 thủ tục, cấp huyện là 272 và cấp xã là 108 thủ tục.

Cũng trong thời gian này, số lượng hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công thành phố đạt trên 1 triệu hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt 91%. TP. Hà Nội đã tích hợp ứng dụng biên lai điện tử, dịch vụ bưu chính công ích trên hệ thống. Đồng thời, bảo đảm 100% thủ tục hành chính của thành phố đều được thực hiện tại bộ phận “một cửa”; 100% quyết định công bố thủ tục hành chính sau khi ban hành được công khai theo quy định.

Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, thành phố đã đẩy mạnh xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Nửa đầu năm 2021, thành phố tăng cường triển khai hệ thống họp trực tuyến từ thành phố đến các điểm cầu trực tuyến của 579 xã, phường, thị trấn; đã hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng, triển khai lắp đặt các thiết bị màn hình cảm ứng, trang thiết bị công nghệ thông tin, camera giám sát để tuyên truyền và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phòng, chống dịch COVID-19 tại các khu chung cư, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố...

TP. Hà Nội cũng tiếp tục duy trì Cổng dịch vụ công thành phố và các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 dùng chung của thành phố; tiếp tục triển khai cung cấp cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp 1.685 thủ tục hành chính. Trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 1.217 thủ tục; dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 468 thủ tục...

TP. Hà Nội cũng đã triển khai tích hợp 444 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đạt tỷ lệ 31,02%, vượt chỉ tiêu được giao.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## TP. HỒ CHÍ MINH: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DU LỊCH VƯỢT KHÓ

Ngày 06/7, Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh cho biết, trong 6 tháng đầu năm, ngành Du lịch thành phố đã tập trung thực hiện đa dạng giải pháp triển khai nhiệm vụ kép, vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phát triển du lịch. Đặc biệt, ngành Du lịch TP. Hồ Chí Minh đã tập trung triển khai đa dạng giải pháp cải cách hành chính hỗ trợ doanh nghiệp.

Cụ thể, ngành Du lịch thành phố nỗ lực khắc phục kịp thời những hạn chế trong công tác cải cách hành chính và tham mưu rút ngắn thời gian giải quyết đối với 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Du lịch. Ngành Du lịch cũng nghiên cứu ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính cho Trưởng các phòng chuyên môn gắn với thực hiện chủ đề năm 2021 của thành phố "Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư".

Mặc dù chỉ trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam nói chung cũng như TP. Hồ Chí Minh nói riêng đã trải qua hai đợt bùng phát dịch COVID-19 thứ 3 và thứ 4 nhưng với sự chủ động, quyết tâm trong công tác phòng, chống dịch bệnh của chính quyền thành phố, sự nâng cao ý thức phòng chống dịch bệnh của người dân, ngành du lịch đã linh hoạt xây dựng các phương án hoạt động năm 2021 thích ứng với tình hình dịch COVID-19.

Theo Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh, các đợt bùng phát dịch COVID-19 tại Việt Nam xuất hiện và diễn biến phức tạp vào những dịp nghỉ Lễ, Tết nên doanh thu của doanh nghiệp du lịch, công ty lữ hành chịu những tổn thất nghiêm trọng. Tháng 6 hàng năm là bắt đầu các hoạt động du lịch hè, tuy nhiên sự bùng phát phức tạp của dịch COVID-19 đã làm cho doanh thu từ các nhóm ngành lưu trú, lữ hành bị ảnh hưởng nặng nề.

Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu du lịch, lữ hành trên địa bàn TP Hồ Chí Minh chỉ đạt 2.570 tỷ đồng, chiếm 0,5%, giảm 40,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lượng khách và doanh thu của nhóm ngành lưu trú hiện nay chủ yếu là từ các khách sạn làm điểm cách ly có thu phí. Còn người dân từ các tỉnh khác cũng hạn chế đến và lưu trú tại các khách sạn trong thời gian này vì nhiều địa phương thực hiện cách ly tập trung hoặc cách ly tại nhà đối với người từ TP. Hồ Chí Minh và vùng dịch khác trở về.

Trước bối cảnh diễn biến mới của dịch COVID-19 như hiện nay, Giám đốc Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Thị Ánh Hoa cho biết, trong 6 tháng cuối năm 2021 sẽ tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với 26/26 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của đơn vị.

Bên cạnh đó, Sở duy trì nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo ít nhất có 80% số hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả đúng thời gian. Riêng đối với công tác phòng chống dịch COVID-19, với điều kiện đảm bảo đủ lực lượng y tế, vận động hệ thống khách sạn tham gia ngày càng nhiều và bám sát tình hình dịch bệnh, hệ thống khách

sản làm điểm cách ly sẽ mở rộng đối tượng phục vụ, đồng hành cùng chính quyền Thành phố "dập dịch".

Ngành Du lịch TP. Hồ Chí Minh đã sớm phát hành cẩm nang online hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 tại cơ sở lưu trú trên địa bàn Thành phố.

*Nguồn: ttxvn*

## HÀ TỈNH: NỖ LỰC ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

Lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh đề nghị cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tiếp tục rà soát 14 nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm 6 tháng đầu năm, thúc đẩy những nội dung đang thực hiện dở dang và triển khai 4 nội dung chưa thực hiện.

Chiều ngày 07/7, Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tổ chức hội nghị trực tuyến triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm và đánh giá hoạt động đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

Theo đánh giá, hiện nay hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương được duy trì, bảo đảm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước. 100% cơ quan, địa phương ứng dụng tốt chữ ký số và gửi nhận văn bản điện tử.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đã có 63 cán bộ cấp sở và cấp huyện; 216 cán bộ cấp xã. Trong 6 tháng đầu năm, Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông tổ chức 21 lớp tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ cấp xã với tổng số học viên là 1.260 người.

Đến nay, toàn tỉnh đã có 1.579 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 711 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp. Trong 6 tháng đầu năm, trên Cổng dịch vụ công của tỉnh phát sinh 25.392 hồ sơ dịch vụ công mức 3, mức 4 trên tổng số 220.782 hồ sơ, đạt tỉ lệ 11,5%.

Kết quả đánh giá tiêu chí hiện đại hoá năm 2020, Hà Tĩnh đạt 12,66/15 điểm, xếp thứ 38/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số ICT index (chỉ số về ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền điện tử) năm 2020 đứng thứ 19/63 tỉnh, thành.

Trong 6 tháng đầu năm, đã có 12 dự án, hạng mục về công nghệ thông tin được phê duyệt chủ trương, đang trong giai đoạn thẩm định, phê duyệt và thực hiện, với tổng kinh phí dự kiến bố trí hơn 85 tỷ đồng.

Về đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, từ ngày 5/3/2021, công chức tiếp nhận và trả kết quả của các đơn vị tham gia thí điểm giai đoạn II (các sở: Công thương, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội) đã trực tiếp hướng dẫn cho nhân viên bưu điện và thực hiện nhiệm vụ.

Tổng số thủ tục hành chính chuyển giao cho nhân viên bưu điện là 154 thủ tục, bước đầu đã tiếp nhận được 863 hồ sơ của Sở Công thương và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.



Ở cấp huyện, các địa phương thí điểm gồm: thị xã Kỳ Anh, Can Lộc, Đức Thọ, nhân viên bưu điện đã phối hợp với công chức hướng dẫn tiếp nhận tại trung tâm hành chính công 1.112 hồ sơ trực tiếp, 1.378 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến. Ủy ban nhân dân các địa phương đã giải quyết 2.030 hồ sơ, trong đó có 329 hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (đạt tỷ lệ 16%).

Hiệu quả của đề án là giải quyết được vấn đề lãng phí thời gian của công chức trực tại trung tâm hành chính công của các đơn vị có số hồ sơ phát sinh ít; tiết kiệm được nguồn ngân sách nhà nước; tạo thêm kênh thông tin cho người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Tại hội nghị, lãnh đạo các địa phương, sở, ngành đã trao đổi, làm rõ những nội dung liên quan đến nguyên nhân đạt tỷ lệ thấp về thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp cận và kết quả trả trực tuyến đạt thấp; kiến nghị giải pháp xây dựng chính quyền điện tử.

Kết luận hội nghị, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Ngọc Châu đề nghị cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tiếp tục rà soát 14 nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm 6 tháng đầu năm về xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy những nội dung đang thực hiện dở dang và triển khai 4 nội dung chưa thực hiện. Cần sớm hoàn thiện các thủ tục để trình Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sớm ban hành nghị quyết về chuyển đổi số.

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện việc tích hợp dữ liệu cấp tỉnh, đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công, ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc.

Các sở, ngành, đơn vị, địa phương phối hợp tích hợp dữ liệu, thúc đẩy dữ liệu số trong hoạt động của cơ quan Nhà nước để phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số; hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vào chương trình hành động từ nay tới cuối năm về thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lưu ý, phải sớm kiện toàn ban chỉ đạo các cấp, phân công phân nhiệm rõ ràng gắn với đánh giá thực hiện nhiệm vụ. Các sở, ngành, địa phương rà soát lại các nhiệm vụ đề ra từ đầu năm để thực hiện, hoàn thiện, nâng cao xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số.

Về Trung tâm IOC - trung tâm quản lý giám sát điều hành thông minh của tỉnh, cố gắng thực hiện để đưa vào vận hành thử trong tháng 7 và tiếp tục bổ sung dữ liệu để hoàn thiện.

*Nguồn: baohatinh.vn*

## QUẢNG BÌNH: THỰC HIỆN QUYẾT LIỆT, ĐỒNG BỘ GIẢI PHÁP CẢI THIÊN CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Sáng ngày 07/7, đồng chí Trần Thắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Phan Mạnh Hùng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trì hội nghị đánh giá và bàn giải pháp nâng cao các chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Quảng Bình.

Năm 2020, chỉ số PAR Index tỉnh Quảng Bình đạt 82,33 điểm, tăng 1,53 điểm so với năm 2019; xếp thứ 50/63 tỉnh, thành phố, giảm 14 bậc so với năm 2019 (năm 2019 đạt 80,80 điểm, xếp thứ 36/63). Đáng chú ý có 8 lĩnh vực do các sở, ngành chủ trì thực hiện không có điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa theo quy định.

Về Chỉ số SIPAS tỉnh Quảng Bình năm 2020 đạt 78,88 điểm, giảm 4,55% so với năm 2019; xếp thứ 60/63 tỉnh, thành phố, giảm 19 bậc so với năm 2019 (năm 2019 đạt 83,43%, xếp thứ 41/63).

Chỉ số PAPI tỉnh Quảng Bình năm 2020 đạt 44,7 điểm, giảm 1,15 điểm so với năm 2019; xếp thứ 7/63 tỉnh, thành phố, giảm 1 bậc so với năm 2019 (năm 2019 đạt 45,84 điểm, xếp thứ 6/63).

Đối với Chỉ số PAPI, nhằm tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, năm 2020 UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

Với sự cố gắng và nỗ lực về xây dựng môi trường kinh doanh của tỉnh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp đã góp phần cải thiện đáng kể 4 chỉ số thành phần so với năm 2019: Chi phí thời gian tăng 0,06 điểm, cạnh tranh bình đẳng tăng 0,1 điểm, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tăng 0,98 điểm và đào tạo lao động tăng 0,46 điểm.

Mặc dù vậy, năm 2020, Chỉ số PCI tỉnh Quảng Bình vẫn giữ nguyên thứ hạng 52/63 và chỉ đạt 62,3 điểm, giảm 1,41 điểm so với năm 2019. Đáng chú ý có 8 chỉ số thành phần PCI của tỉnh năm 2020 ở mức thấp nhất cả nước (trong đó có 3 chỉ số xếp hạng thứ 63) hoặc bằng trung vị của cả nước.

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Thắng đánh giá: Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng công tác cải cách hành chính, việc xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp chất lượng còn chưa cao, vẫn còn một số hạn chế, các chỉ số giảm mạnh so với các tỉnh, thành phố trong cả nước... Một số sở, ban, ngành, địa phương còn thiếu chủ động, trách nhiệm chưa cao, chưa thống nhất trong việc chỉ đạo,

điều hành để hoàn thiện và nâng cao các chỉ số cơ bản; vẫn còn xảy ra tình trạng một số cán bộ, công chức, viên chức nhũn nhẽo, chậm trễ, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp...

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu lãnh đạo các sở, ngành, đơn vị, địa phương làm rõ nguyên nhân tồn tại, hạn chế để có các giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Đặc biệt, cần đề cao trách nhiệm của mình để thảo luận, bàn các giải pháp thiết thực, tập trung vào các tiêu chí thành phần, chỉ số thành phần để nâng cao thứ hạng trong năm tới, đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp đó, các đại biểu đã tập trung thảo luận, đánh giá làm rõ các nguyên nhân tồn tại, hạn chế chủ quan và khách quan tác động đến kết quả đạt điểm và thay đổi xếp hạng của các chỉ số trong năm 2020 và thời gian qua. Đồng thời, đưa ra các nhóm nhiệm vụ, giải pháp khắc phục để góp phần nâng cao mức điểm và kết quả cải thiện xếp hạng các chỉ số của tỉnh trong thời gian tới.

Phát biểu kết luận hội nghị, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Thắng ghi nhận những kết quả đạt được trong thời gian vừa qua; đồng thời thẳng thắn chỉ rõ một số vấn đề tồn tại, hạn chế, yếu kém trong thực hiện nhiệm vụ được giao của các sở, ngành, địa phương.

Về việc thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Thắng yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương cần tiếp tục bám sát các mục tiêu và triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 1-1-2021 của Chính phủ và Chương trình hành động số 03-Ctr/TU của Tỉnh ủy Quảng Bình về đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhấn mạnh: Để nâng cao được các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh trong thời gian tới, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp. Rà soát thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực ngành, địa phương quản lý đã được Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương trong chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính. Trước hết tập trung khắc phục các mặt tồn tại, yếu kém trong việc công khai thủ tục hồ sơ, kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết hồ sơ hành chính cho tổ chức, cá nhân; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, ngành để giải quyết hồ sơ đồng bộ, kịp thời, khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hẹn...; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác cải cách thủ tục hành chính; rà soát khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm đã đầu tư để tránh lãng phí; thường xuyên khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị để kịp thời tiếp thu các ý kiến góp ý, điều chỉnh, cải thiện, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân; phấn đấu chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đến hết năm 2021 đạt trên 80%.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành; kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm túc việc xử lý trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức để xảy ra việc cán

bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình có hành vi gây nhiễu, phiền hà trong việc tiếp nhận và giải quyết công việc của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Tập trung tuyên truyền sâu rộng để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về bản chất, tầm quan trọng và ý nghĩa của các bộ Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã giao nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu các cấp, ngành, đơn vị, địa phương nâng cao hơn nữa trách nhiệm thực thi công vụ, đồng thời thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để cải thiện các bộ chỉ số nêu trên trong thời gian tới.

*Nguồn: baoquangbinh.vn*

## TÂY NINH: PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN CẢI THIỆN ĐIỂM SỐ VÀ NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG CHỈ SỐ HÀNH CHÍNH CÔNG

Ngày 07/7, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cho biết, vừa phê duyệt đề án thực hiện các nhiệm vụ giải pháp để cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số hành chính công trong giai đoạn 2021- 2025.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, thứ hạng các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh Tây Ninh ngày càng giảm so với các tỉnh, thành trong cả nước nên cần phải ban hành đề án chuyên đề nhằm cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng đối với các chỉ số.

Cụ thể, tỉnh Tây Ninh phấn đấu đến năm 2025, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thuộc nhóm tốt, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) thuộc nhóm trung bình cao, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) thuộc nhóm 30 tỉnh dẫn đầu, Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) cao hơn mức trung bình cả nước và Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam (ICT Index) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh yêu cầu triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, thủ trưởng các cơ quan xác định rõ nội dung từng nhiệm vụ, kết hợp chặt chẽ với công việc chuyên môn để thực hiện có hiệu quả. Đồng thời, cơ quan chức năng tăng cường sự đánh giá, giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai đề án cải thiện các chỉ số, không chạy theo thành tích trong triển khai thực hiện nhiệm vụ từng chỉ số tại đơn vị.

*Nguồn: sggp.org.vn*

## LONG AN: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Ngày 24/6/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An có Báo cáo số 1969/BC-UBND về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021. Căn cứ vào Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh, công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra và thông tin tuyên truyền cải cách hành chính đã được thực hiện. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

Thứ nhất, về cải cách thể chế: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 với trọng tâm về quản lý, sử dụng đất đai, rừng, phòng cháy chữa cháy. Đồng thời, tỉnh chú trọng đến việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Trong 6 tháng đầu năm 2021, tỉnh có 31 văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được Luật giao. Công tác kiểm tra văn bản được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kiểm tra, rà soát, tiến hành, cụ thể tự kiểm tra 27 Quyết định; kiểm tra 01 Nghị quyết và 13 Quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Kết quả đều đảm bảo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh công bố 67 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thi hành năm 2020. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát, tổng hợp các quy định của pháp luật gây vướng mắc, cản trở đầu tư và đời sống xã hội, tổng hợp có 31 nội dung liên quan đến các Luật, Nghị định, Thông tư còn chồng chéo, bất cập, khó áp dụng.

Thứ hai, về cải cách thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện báo cáo thông qua Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ, triển khai Đề án Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Trong 06 tháng đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 14 Quyết định công bố thủ tục hành chính (ban hành mới 773 thủ tục, sửa đổi 19 thủ tục, thay thế 06 thủ tục và bãi bỏ 789 thủ tục). Cập nhật dữ liệu thủ tục hành chính mới ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Đồng thời, cập nhật, sửa Bộ thủ tục hành chính của các đơn vị để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, niêm yết 1.869 thủ tục. Các sở, ban, ngành thực hiện đơn giản hóa 48 thủ tục hành chính đơn lẻ và 02 nhóm thủ tục hành chính thực hiện liên thông.

Toàn tỉnh có 18/19 sở, ban, ngành; 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và 05 đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, trong đó, thực hiện theo cơ chế một cửa 1.282 thủ tục, thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông là 575 thủ tục. Về thời gian làm việc, bên cạnh giờ hành chính các ngày trong tuần, tỉnh có 04 đơn vị duy trì tổ chức làm việc buổi sáng thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, trung bình mỗi tháng tiếp nhận và giải quyết 300 đến 400 hồ sơ.

Thứ ba, về cải cách tổ chức bộ máy: Tiến hành rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, biên chế của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; thành lập Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành lập một số đơn vị ngành Y tế, Nông nghiệp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch 405/KH-UBND ngày 04/02/2021 triển khai Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ yêu cầu việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện. Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành kiểm tra công vụ dự kiến và đột xuất tại các cơ quan đơn vị để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ. Về phân cấp quản lý, căn cứ Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 10/11/2020 và các văn bản liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành đề xuất nội dung UBND cấp tỉnh phân cấp cho cấp dưới.

Thứ tư, về cải cách chế độ công vụ: Đối với công chức, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh đề án vị trí việc làm đối với 34 đơn vị, thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền theo đề án đã được phê duyệt. Đối với viên chức, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh đề án vị trí việc làm đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc 08 sở, ban, ngành, 15 đơn vị cấp huyện. Hiện nay, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và cấp huyện đã bố trí viên chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Tỉnh thực hiện quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là khâu đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và đánh giá.

Thứ năm, về cải cách tài chính công: Tỉnh đã triển khai thực hiện các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương và chính sách an sinh xã hội. Thực hiện cơ chế tự chủ, tỉnh có 10 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư, có 39 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên, có 108 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên.

Thứ sáu, xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Hoàn thành cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Long An, phiên bản 2.0; triển khai, hoàn thiện các hạng mục trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2021 có 58.333 hồ sơ nộp trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Toàn tỉnh có 42 cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện thuộc diện bắt buộc áp dụng quy định về xây dựng công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

### GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

#### 1. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về cải cách tài chính công giai đoạn 2011 - 2020

Trong thời gian qua, thể chế tài chính - Ngân sách nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo nguyên tắc thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hỗ trợ có kết quả quá trình tái cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Quá trình cải cách thể chế trong lĩnh vực tài chính đã bảo đảm đồng bộ với cải cách thể chế trong các lĩnh vực có liên quan, góp phần thúc đẩy các yếu tố thị trường và các loại thị trường phát triển, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; động viên hợp lý, phân phối và sử dụng tiết kiệm, chặt chẽ, hiệu quả hơn các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tiếp cận thông lệ quốc tế... Từ năm 2010 đến nay, ngành Tài chính đã chủ trì soạn thảo trình Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua 25 dự án luật; 14 Nghị quyết của Quốc hội; 10 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đồng thời, đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành khoảng 250 nghị định, 170 quyết định và ban hành theo thẩm quyền gần 2.000 thông tư, thông tư liên tịch.

Trong đó, giai đoạn 2011 - 2015, việc hoàn thiện thể chế tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô; quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước; phát triển đồng bộ các thị trường vốn, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; tạo môi trường đầu tư thuận lợi, bình đẳng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư nước ngoài; thúc đẩy hội nhập; phát triển an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; đẩy mạnh hiện đại hóa và cải cách hành chính. Giai đoạn 2016 - 2020, tập trung vào việc hoàn thiện thể chế tài chính theo cơ chế thị trường, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại ngân sách và nợ công, đổi mới khu vực sự nghiệp công, tinh gọn bộ máy hành chính hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng, triển khai các kế hoạch trung hạn, tăng cường công khai, minh bạch tài chính, hướng tới phát triển bền vững. Cụ thể:

#### 1.1. Về huy động nguồn lực công

Chính sách động viên ngân sách nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, nhờ đó, đã động viên hợp lý, kịp thời các nguồn lực từ sản xuất và các nguồn lực từ tài nguyên, đất đai. Đến nay, cơ bản hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung và ban hành các luật về thuế và Luật Hải quan, các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành các luật về thuế, Luật Hải quan theo lộ trình đề ra. Đã trình Quốc hội thông qua Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Hải quan... Đồng thời, đã kịp thời hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả

một số chính sách mới như Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Luật Thuế bảo vệ môi trường; Luật Phí và lệ phí.

Các chính sách thuế, phí, lệ phí ban hành về cơ bản đã đảm bảo minh bạch, đơn giản, phù hợp với các cam kết về hội nhập quốc tế, góp phần tạo môi trường đầu tư ổn định, hấp dẫn, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, chính sách động viên cũng kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp (thông qua việc giảm, gia hạn một số khoản thu ngân sách theo Nghị quyết Quốc hội, Chính phủ và Luật sửa đổi, bổ sung các luật về thuế...). Việc thực hiện điều chỉnh giảm mức độ động viên trong một số sắc thuế, khoản thu đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao tính hấp dẫn của môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân có thêm nguồn lực cho đầu tư và tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Bên cạnh đó, việc sửa đổi các chính sách thuế còn góp phần xác định lại phạm vi thu ngân sách; mở rộng diện thu, cơ sở thu; điều tiết hợp lý hơn thu nhập; điều tiết hành vi theo hướng khuyến khích sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường. Bộ Tài chính cũng đã trình Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Luật phí, lệ phí theo hướng chuyển mạnh nhiều loại phí sang quản lý theo cơ chế giá, thúc đẩy xã hội hóa, khuyến khích huy động, sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn. Sửa đổi, bổ sung và ban hành các chính sách thu theo nguyên tắc thống nhất, đồng bộ, đơn giản hóa thủ tục, dễ thực hiện; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý rủi ro; nâng cao ý thức tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Ngoài ra còn đẩy mạnh hội nhập, tiếp cận các thông lệ quốc tế tốt.

Trong khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, căn cứ Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật tài nguyên..., Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền và trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các chính sách tài chính từ đất đai: thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; đấu giá quyền sử dụng đất; góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất; sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; xác định giá trị quyền sử dụng đất để giao vốn, tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập. Ngoài ra, đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức thuế suất thuế tài nguyên đối với một số nhóm tài nguyên, khoáng sản nhằm nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, đồng thời động viên thêm nguồn lực cho ngân sách nhà nước.

## 1.2. Về phân bổ, sử dụng nguồn lực công

Chính sách phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính tiếp tục được hoàn thiện gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia, đảm bảo thực hiện phân bổ các nguồn lực tài chính nhà nước theo hướng minh bạch, ưu tiên cho những nhiệm vụ quan trọng, các vùng, đối tượng còn nhiều khó khăn, mở rộng hệ thống an sinh xã hội. Đã xây dựng và trình Quốc hội thông qua một số dự án luật quan trọng như Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Ngân sách nhà nước (2015); Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... Trong đó, Luật Ngân sách nhà nước (2015) đã xác định phạm vi chi ngân sách, chi đầu tư công, cơ cấu lại chi đầu tư công, chi ngân sách; triển khai kế hoạch tài chính trung hạn; đổi mới phương thức quản lý ngân sách nhà nước (đẩy mạnh thực hiện khoán, đấu thầu, đặt hàng; đẩy mạnh yêu cầu đổi mới khu vực sự nghiệp công; đơn giản hóa thủ tục kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý quỹ ngoài ngân sách nhà nước),



siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với công khai, minh bạch; xây dựng các cơ chế đặc thù cho các thành phố lớn thông qua việc trình Quốc hội ban hành nghị quyết về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, trình Chính phủ ban hành đồng bộ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, các nghị định về cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với các thành phố: Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng. Qua đó, tiếp tục đẩy mạnh và tăng cường phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; đồng thời, phát huy tính chủ động của ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nâng cao tính minh bạch, công khai trong quản lý ngân sách nhà nước. Hiện nay, Bộ Tài chính đang tiến hành rà soát các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, trong đó tập trung rà soát, nghiên cứu các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương trong giai đoạn tới.

Trong thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước, trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TW và Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội, việc phân bổ ngân sách nhà nước đã được cơ cấu lại theo hướng tăng dần tỷ lệ chi đầu tư và giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát các chính sách chi ngân sách nhà nước cho an sinh xã hội, chi ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực, tăng cường quản lý quỹ ngoài ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính cũng đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong xây dựng Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017 - 2020 và một số định hướng đến năm 2025 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phối hợp tham gia ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công; phối hợp thực hiện cơ cấu lại đầu tư công trên cơ sở các ưu tiên chiến lược, xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; tham gia xây dựng văn bản quy định về khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) nhằm thúc đẩy xã hội hóa hoạt động đầu tư... Ngoài ra, để nâng cao chất lượng phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020; Chỉ thị tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ và Chỉ thị về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng chủ động rà soát, xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước; quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư...

### 1.3. Về cơ cấu lại nợ công, đảm bảo an ninh, an toàn nền tài chính công

Trong thời gian qua, các thể chế, chính sách pháp luật trong lĩnh vực quản lý nợ công đã được hoàn thiện và đổi mới, từng bước tiếp cận các thông lệ quốc tế. Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ, trình Quốc hội thông qua Luật Quản lý nợ công lần đầu tiên năm 2009

và tiếp tục sửa đổi năm 2017 (có hiệu lực ngày 01/7/2018), là bước thay đổi quan trọng, góp phần hoàn thiện chính sách quản lý, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ giữa quản lý nợ công, ngân sách và đầu tư công. Trong đó, đã từng bước điều chỉnh công tác quản lý và giám sát nợ công theo nguyên tắc thị trường, thống nhất, kiểm soát các khoản vay về cho vay lại, cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý nợ công. Theo đó, để triển khai thực hiện Luật Quản lý nợ công năm 2017 có hiệu quả, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 07 nghị định, đồng thời đã ban hành 10 thông tư, 02 quyết định hướng dẫn Luật Quản lý nợ công (sửa đổi). Các văn bản này đã góp phần tạo khung khổ pháp lý đầy đủ cho việc tổ chức phát hành công cụ nợ để đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho ngân sách nhà nước với mức chi phí - rủi ro hợp lý, thực hiện các nghiệp vụ tái cơ cấu danh mục nợ công một cách chủ động, hiệu quả trong khi vẫn đảm bảo an toàn nợ công, an ninh tài chính quốc gia.

Cùng với việc hoàn thiện khuôn khổ thể chế, chính sách quản lý nợ công, việc nghiên cứu, xây dựng và áp dụng đầy đủ, đồng bộ các công cụ và nghiệp vụ quản lý nợ công được chú trọng. Trong đó, bao gồm xây dựng các chỉ tiêu an toàn nợ công, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm và hàng năm cũng như chương trình quản lý nợ công 3 năm nhằm gắn kết với các kế hoạch về ngân sách nhà nước và đầu tư công. Việc xây dựng, ban hành và triển khai các công cụ nợ này trong giai đoạn 2011 - 2019 đã phát huy tác dụng và khẳng định sự cần thiết đối với quản lý nợ chủ động. Ngoài ra, Bộ Tài chính còn phối hợp với các tổ chức tài chính quốc tế trong việc xây dựng chiến lược quản lý nợ trung hạn và phân tích bền vững nợ, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

#### 1.4. Về chính sách tiền lương và chính sách xã hội

Thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng về cải cách chính sách tiền lương, chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020, Chính phủ đã thực hiện chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức, người hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước; điều chỉnh mức lương cơ sở áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động hưởng lương từ ngân sách tùy theo điều kiện ngân sách hàng năm; đồng thời điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công; nâng mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội...

Nhìn chung, việc điều chỉnh chính sách tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc chỉ điều chỉnh mức lương cơ sở và ban hành chính sách, chế độ mới đối với khu vực công khi đã bố trí đủ nguồn lực; không ban hành mới các chế độ phụ cấp theo nghề, triển khai xây dựng danh mục vị trí việc làm tạo cơ sở cho việc trả lương. Ngày 09/11/2016, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về kế hoạch tài chính 5 năm, trong đó có nội dung tăng mức lương cơ sở tối thiểu trung bình 7%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Tính đến ngày 01/7/2020, mức lương cơ sở của người lao động trong khu vực công đạt 1.490.000 đồng/tháng, bằng 204% so với mức lương cơ sở năm 2011 (730.000 đồng/tháng).

Ngoài ra, để đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo, phát triển đồng đều giữa các vùng, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhằm mở rộng độ bao

phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chính sách giảm nghèo áp dụng đối với các khu vực đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, chính sách miễn, giảm học phí, chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi... đối với người nghèo. Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ nhằm đảm bảo người dân, đặc biệt là người nghèo, tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà ở, trợ giúp pháp lý...

#### 1.5. Về đổi mới cơ chế đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công

Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. So với Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đã mở rộng thêm đối tượng thực hiện chế độ tự chủ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn; quy định rõ các khoản kinh phí được giao để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm; quyền của cơ quan thực hiện tự chủ trong việc sử dụng kinh phí được giao tự chủ; quy định rõ hơn về phạm vi kinh phí tiết kiệm và sử dụng kinh phí tiết kiệm... Khoản kinh phí tiết kiệm được sử dụng chủ yếu cho mục đích tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thông qua việc chi trả thu nhập tăng thêm, chi khen thưởng, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể, lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập... Cơ chế này khuyến khích những người làm việc hiệu quả, đồng thời khắc phục được những hạn chế nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động hơn nữa trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính, là động lực để các cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước thực hành, tiết kiệm chống lãng phí kinh phí quản lý hành chính.

Đồng thời, Bộ Tài chính cũng đã xây dựng trình Chính phủ ban hành khung pháp lý về đổi mới khu vực sự nghiệp công theo chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước. Theo đó, hệ thống các văn bản pháp luật quy định về tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có tự chủ về tài chính, đã từng bước được hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập; thay đổi phương thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện hoặc đấu thầu gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cung cấp, tạo cơ hội cho các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Ngân sách nhà nước chỉ đảm bảo kinh phí thường xuyên đối với đơn vị được Nhà nước giao dự toán theo nhiệm vụ trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định. Trên cơ sở đó, các bộ đã trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong một số lĩnh vực; các Bộ, địa phương cũng đã trình cấp có thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực và phạm vi quản lý của bộ, địa phương; sửa đổi hoặc ban hành mới các quy định về định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công...

1.6. Về đẩy mạnh xã hội hóa, hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư

Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Đồng thời, Bộ đã ban hành các thông tư hướng dẫn để triển khai thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP.

Để khuyến khích đầu tư của xã hội tham gia cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công (giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường...), Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP đã quy định các chính sách ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, về chính sách thuế, về tín dụng đối với các cơ sở xã hội hóa và điều kiện được hưởng các chính sách khuyến khích xã hội hóa. Cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa (chính sách thuế, tín dụng, đất đai, đầu tư...) đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được nghiên cứu, hoàn thiện để bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện xã hội hóa và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, việc ban hành quy định về điều kiện đơn vị sự nghiệp công lập được chuyển thành công ty cổ phần cũng góp phần đẩy mạnh xã hội hóa việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

1.7. Về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước

Trong thời gian qua, các cơ chế, chính sách về quản lý tài chính doanh nghiệp và sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ và được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và tình hình thị trường, thúc đẩy tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm ngăn chặn thất thoát vốn, tài sản nhà nước, tạo minh bạch trong công tác quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước. Bộ Tài chính đã trình Quốc hội thông qua Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị định, quyết định nhằm đổi mới tổ chức, quản lý hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, thực hiện tái cơ cấu, cổ phần hóa và thoái vốn tại doanh nghiệp. Đồng thời, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản pháp luật để tổ chức quản lý doanh nghiệp và tổ chức sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước trên phạm vi toàn quốc theo phân công của Thủ tướng Chính phủ. Nhờ đó, hệ thống các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đổi mới, sắp xếp lại, cơ cấu lại đã góp phần phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Đã hình thành các tổng công ty và một số tập đoàn kinh tế ở những lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế. Đồng thời, đã thu hẹp những lĩnh vực

độc quyền nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước đã được tinh giản về số lượng và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động.

Nhìn chung, trong thời gian qua, đã cơ bản hoàn thiện các thể chế về quản lý tài chính doanh nghiệp, về chế độ kiểm toán doanh nghiệp, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, đã hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính và sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp; đổi mới tổ chức, quản lý và hoạt động đối với doanh nghiệp nhà nước, theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các Nghị quyết của Trung ương. Quản lý chặt chẽ việc định giá trị doanh nghiệp, áp dụng nguyên tắc thị trường trong cổ phần hoá và thoái vốn, tăng cường công khai, minh bạch, gắn cổ phần hóa với niêm yết trên thị trường chứng khoán, chống thất thoát, tham nhũng trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; xử lý nghiêm các sai phạm, thu hồi tài sản Nhà nước; thành lập, đưa vào hoạt động Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

#### 1.8. Công tác xây dựng thể chế cho việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Quan điểm, chủ trương của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được thể chế hoá bằng quy định của pháp luật và ngày càng được hoàn thiện hơn. Theo quy định tại Hiến pháp năm 2013: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng trong hoạt động kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.”; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên từ chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách đến tổ chức thực hiện gắn với kiểm tra, giám sát”.

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Trong đó, quy định về nội dung, yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, hành vi vi phạm, gây lãng phí trong một số lĩnh vực, gồm: ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước; đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và nội dung, nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân.

Để triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành một hệ thống các văn bản và ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản hướng dẫn hướng dẫn thực hiện Luật. Các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Luật, đảm bảo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính luôn chủ động xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và dài hạn, trong đó yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải được tiến hành đồng bộ với các hoạt động cải cách hành chính, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của Bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, các cấp, các ngành phải thực hiện rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ làm cơ sở cho thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng, ban hành làm căn cứ cho các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Chương trình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương và từng cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Nhờ đó, hệ thống pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, định mức, quy chuẩn kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực đã được hình thành đồng bộ, ngày càng hoàn thiện hơn, thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo hành lang pháp lý để quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của đất nước tiết kiệm, hiệu quả hơn, nhất là trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản công, quản lý đất đai, tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường, quản lý cán bộ, công chức... Hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ, quy chuẩn kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực được hoàn thiện và phù hợp hơn với yêu cầu thực tế, dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và là cơ sở quan trọng để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn, tài sản của nhà nước, tài nguyên, thời gian lao động, nguồn nhân lực.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Thứ nhất, về huy động nguồn lực công, hệ thống thu ngân sách nhà nước chưa bền vững, chưa đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Tình trạng chuyển giá, trốn thuế gây thất thu ngân sách nhà nước, nhất là khu vực ngoài quốc doanh, khu vực FDI lớn; nợ đọng thuế còn cao; việc quản lý phân thu ngân sách nhà nước từ tiền sử dụng đất, tài sản công còn nhiều bất cập; hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp còn tồn tại, yếu kém, nguồn thu ngân sách nhà nước từ doanh nghiệp nhà nước suy giảm; ưu đãi thu còn dàn trải làm giảm thu ngân sách nhà nước, vừa gây cạnh tranh không lành mạnh, không bình đẳng, tăng chi phí thuế...

Trong thời gian gần đây, số thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh có xu hướng giảm từ 68,3% giai đoạn 2011 - 2015 xuống còn khoảng 62,3% giai đoạn 2016 - 2018 do thực hiện giảm nghĩa vụ thu (như giảm thuế thu nhập doanh nghiệp xuống 20% từ 2016, áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17% đối với quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã và tổ chức tài chính vi mô, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới vào các lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế...).

Dư địa tăng thu ngân sách nhà nước sẽ ngày càng hạn chế bởi các lý do ở trên, số vượt thu ngân sách những năm gần đây chủ yếu là các khoản thu thuộc nguồn thu ngân sách địa phương (các khoản thu nhà, đất tăng) trong khi ngân sách trung ương gặp khó khăn. Công tác

quản lý thu chưa theo kịp tình hình thực tế dẫn tới thất thu, đặc biệt là từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

Thứ hai, về phân bổ, sử dụng nguồn lực công, cơ cấu lại đầu tư công chưa thực sự hiệu quả, phân bổ còn dàn trải, giao vốn và giải ngân chậm; cơ cấu vốn đầu tư còn bất cập, vốn dành cho các công trình do trung ương quản lý theo dự toán năm 2018 chỉ chiếm khoảng 20% tổng chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước. Tích lũy từ thu thường xuyên cho ngân sách nhà nước thấp (ước năm 2018 là 13%); vốn đầu tư phát triển chủ yếu từ nguồn vay (45%) và tiền sử dụng đất, tiền thoái vốn tại doanh nghiệp (42%). Sử dụng ngân sách và vốn đầu tư công còn lãng phí; nợ đọng xây dựng cơ bản, ứng trước, chuyển nguồn lớn, nợ địa phương lớn.

Trong chi thường xuyên, mặc dù đã được cơ cấu lại theo hướng giảm tỷ trọng nhưng nhìn chung ngân sách nhà nước vẫn đảm bảo phần lớn nhu cầu chi của hầu hết các lĩnh vực sự nghiệp; nhiều chế độ, chính sách còn trùng lặp; cơ cấu lại chi thường xuyên hạn chế do chậm đổi mới khu vực sự nghiệp công; tình trạng chi sai chính sách, chế độ còn xảy ra ở một số lĩnh vực, đơn vị.

Nhìn chung, hiệu quả, hiệu lực chi ngân sách nhà nước thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu về chất lượng dịch vụ công. Chi ngân sách dàn trải, chồng chéo phạm vi nhà nước và thị trường, thất thoát, lãng phí chưa được xử lý triệt để. Cơ cấu chi từng ngành, lĩnh vực và trong từng ngành, lĩnh vực chưa hiệu quả, chưa đảm bảo các yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, cơ cấu chi theo phân cấp chưa tính tới những khác biệt giữa các đơn vị hành chính cùng cấp, chưa tính tới hiệu quả kinh tế theo quy mô trong cung cấp dịch vụ công, chưa hình thành cơ cấu chi ngân sách theo vùng, miền gắn với quy mô cung cấp các dịch vụ công hiệu quả...

Thứ ba, về cân đối ngân sách và quản lý nợ công, việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra tại các nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội trong thời gian qua đã bước đầu kiểm soát được tốc độ tăng quy mô nợ công, cải thiện cơ cấu rủi ro - chi phí danh mục nợ của Chính phủ song nhiệm vụ đặt ra đối với công tác quản lý nợ công trong thời gian tới còn một số khó khăn và vấn đề đặt ra như sau:

Với việc Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình, tỷ trọng các khoản vay ODA giảm dần, tiến tới chấm dứt, điều kiện huy động vốn vay nước ngoài của Chính phủ có xu hướng kém thuận lợi hơn trước đây, tiệm cận các khoản vay thương mại. Việc phân bổ vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài trong khuôn khổ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm còn có những hạn chế, chưa sát thực tế, phải điều chỉnh nhiều lần là một trong những nguyên nhân chính khiến tốc độ giải ngân vốn vay còn chậm, giảm hiệu quả sử dụng vốn vay cho đầu tư phát triển của toàn xã hội cũng như đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Thị trường vốn, thị trường trái phiếu Chính phủ trong nước tuy đã có những bước phát triển đáng ghi nhận trong giai đoạn vừa qua, song quy mô thị trường nhìn chung còn nhỏ, khả năng hấp thụ vốn để đáp ứng nhu cầu đầu tư của nền kinh tế và của ngân sách nhà nước còn hạn chế. Các công cụ nợ nhìn chung còn thiếu tính đa dạng và việc huy động vốn vay trong nước của Chính phủ còn gặp áp lực nhất định tại một số thời điểm. Việc chỉ phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài trên 5 năm chưa thực sự phù hợp với nhu cầu đầu tư của các ngân

hàng thương mại và gắn liền với chi phí vay cao hơn (công cụ nợ kỳ hạn dài sẽ có lãi suất cao hơn kỳ hạn ngắn); đồng thời thiếu vắng công cụ nợ kỳ hạn ngắn để hoàn thiện đường cong lãi suất chuẩn, qua đó làm cơ sở tham chiếu cho các nhà đầu tư và thành viên thị trường khác.

Trong giai đoạn tới, nhu cầu huy động vốn vay cho cân đối ngân sách nhà nước và dự báo tiếp tục ở mức cao. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với tổng thu ngân sách nhà nước đang tăng nhanh và trong năm 2020 có khả năng tiến sát/vượt ngưỡng an toàn được Quốc hội cho phép (25%) trong bối cảnh nguồn thu ngân sách bị ảnh hưởng tiêu cực trước tác động của đại dịch COVID-19. Bên cạnh đó, rủi ro tiềm ẩn từ các khoản nợ dự phòng như các khoản vay trong và ngoài nước của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh cần được tăng cường quản lý.

Thứ tư, về tiền lương và chính sách xã hội, việc đổi mới tổ chức và quản lý, cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp công lập chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ bản vẫn do ngân sách nhà nước bảo đảm và chủ yếu từ ngân sách trung ương. Việc điều chỉnh giá, phí dịch vụ công nhiều lĩnh vực còn chậm. Chưa có cơ chế tiền thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ... Vì thế, chính sách tiền lương trong khu vực Nhà nước hiện nay chưa trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy và khuyến khích cán bộ, công chức Nhà nước làm việc, tăng năng suất lao động, chưa tạo điều kiện để thu hút người tài, người lao động có trình độ cao vào làm việc trong khu vực nhà nước.

Hệ thống khuôn khổ pháp lý về chính sách xã hội chưa đồng bộ; các chính sách, chương trình được ban hành dựa trên vấn đề và nhóm đối tượng mới phát sinh mà không theo một chiến lược và tầm nhìn tổng thể, dài hạn. Các chính sách giảm nghèo hiện nay quá nhiều và dàn trải trong khi nguồn lực ngân sách có hạn, làm giảm hiệu quả của chính sách. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Thu nhập của người nghèo chưa đáp ứng được nhu cầu mức sống tối thiểu.

Mức trợ cấp hàng tháng, trợ cấp nuôi dưỡng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội còn thấp, chưa bảo đảm mức sống tối thiểu; bên cạnh đó, đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng ngày càng mở rộng đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, mang tính cào bằng, chưa phân biệt giữa người nghèo và người có mức sống cao, khá giả.

Việc điều chỉnh tiền lương hưu thường được tiến hành đồng thời với thời điểm điều chỉnh mức lương cơ sở của khu vực hành chính sự nghiệp, tạo áp lực cân đối ngân sách nhà nước, chưa căn cứ vào khả năng tăng trưởng của quỹ bảo hiểm xã hội và chưa thực hiện điều chỉnh lương hưu độc lập với tiền lương người đang làm việc theo Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Luật Bảo hiểm xã hội.

Thứ năm, về đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, trong phát triển đơn vị sự nghiệp và cung cấp dịch vụ công, việc đổi mới cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập còn nhiều hạn chế, bất cập. Việc thực hiện tự chủ tài chính nhìn chung còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao, đặc biệt ở các địa phương; nguồn thu sự nghiệp còn thấp, chủ yếu vẫn là ngân sách nhà nước cấp phát; chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá; chưa thực sự đồng bộ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực



hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế với tự chủ về tài chính. Hầu hết các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí vào giá, dẫn đến khó khăn cho các đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện cơ chế tự chủ tài chính. Các định mức kinh tế kỹ thuật còn thiếu, khó khăn trong việc xác định đơn giá đặt hàng, đấu thầu cũng như triển khai trong quản lý. Phương thức đấu thầu còn ít được áp dụng và chưa thực sự phát huy hiệu quả; việc giao nhiệm vụ, đặt hàng được thực hiện theo đơn giá dự toán, không sát thực tế, có trường hợp dẫn đến thất thoát, lãng phí. Các cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa chưa đủ mạnh; còn chạy theo số lượng mà chưa quan tâm nhiều đến chất lượng. Việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần còn nhiều bất cập, lúng túng.

Thứ sáu, về xã hội hóa, hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng. Công tác xã hội hóa hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao chưa đảm bảo định hướng đã đề ra, kết quả đạt được còn ít và thiếu vững chắc so với tiềm năng. Tiến độ thực hiện chuyển đổi cơ sở công lập, bán công sang loại hình ngoài công lập hoặc doanh nghiệp còn chậm. Mức độ phát triển xã hội hóa không đồng đều giữa các vùng, miền và cả giữa các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội như nhau. Cơ chế, chính sách đầu tư, thu hút các nguồn lực của xã hội để phát triển các cơ sở dịch vụ công ngoài công lập chưa đủ mạnh; các chính sách đòn bẩy kinh tế như thuế, tín dụng, đất đai, chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội chưa được triển khai thực hiện đồng bộ và nhất quán để thúc đẩy sự phát triển của hệ thống các cơ sở dịch vụ ngoài công lập. Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện thiếu kiên quyết, sự phối hợp giữa các bộ, ngành và các địa phương chưa chặt chẽ.

Các doanh nghiệp trong khu vực tư nhân thường chú trọng đến lợi nhuận nhiều hơn nên có xu hướng đẩy cao giá dịch vụ, các loại phí dịch vụ bị điều chỉnh tùy tiện, chất lượng dịch vụ không tương xứng, cơ chế tài chính không minh bạch, nhiều cơ sở tư nhân được thành lập tự phát khó kiểm soát được chất lượng. Tất cả đang đặt ra vấn đề về kiểm soát chất lượng đối với các dịch vụ được khối tư nhân cung ứng cho xã hội.

Nguồn lực huy động cho việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng và đầu tư theo hình thức công - tư còn hạn chế. Nhiều địa phương chưa bố trí được đất “sạch” cho các nhà đầu tư để thực hiện dự án xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công, ngoài ra, các dự án xã hội hóa tập trung chủ yếu ở các khu vực đô thị, đông dân cư, trong khi đó các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo số lượng các dự án xã hội hóa được triển khai rất thấp. Bên cạnh đó, các dự án xã hội hóa tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực, ngành nghề đòi hỏi ít vốn, chi phí đầu tư thấp.

Thứ bảy, về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước, một số Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước còn chưa thực sự nghiêm túc triển khai kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và chấp hành chế độ báo cáo. Vai trò, nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị còn chưa cao, chưa quyết liệt trong việc đổi mới hoạt động

của doanh nghiệp, công khai, minh bạch đúng quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc thị trường, chống lợi ích nhóm trong cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước.

Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cần có nhiều thời gian để xử lý vướng mắc về tài chính, đất đai, lao động trong giai đoạn trước cổ phần hóa làm kéo dài thời gian thực hiện cổ phần hóa. Đặc biệt là vấn đề xác lập hồ sơ pháp lý đất đai do Ủy ban nhân dân địa phương thực hiện chậm, kéo dài thời gian hơn so với quy định dẫn đến các doanh nghiệp phải điều chỉnh tiến độ cổ phần hóa. Tỷ lệ vốn nhà nước trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn cao dẫn đến giảm sức hút đối với các nhà đầu tư mua cổ phần, ảnh hưởng đến thành công của việc cổ phần hóa. Việc chậm quyết toán, bàn giao sang công ty cổ phần của các doanh nghiệp cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần làm ảnh hưởng đến công tác bàn giao và thu nộp các khoản về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Việc bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC còn chậm, chưa đảm bảo kế hoạch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Nhiều doanh nghiệp chậm đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán làm ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch của thị trường, chậm đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp sau cổ phần theo thông lệ và chuẩn mực của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán cũng như hạn chế công tác giám sát của toàn xã hội đối với hoạt động của các doanh nghiệp này.

### **3. Các bài học kinh nghiệm**

Một là, phải thường xuyên quán triệt đầy đủ các đường lối, chủ trương của Đảng trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện các định hướng về cải cách tài chính công đã đề ra. Trong chỉ đạo, điều hành cần coi trọng công tác phân tích, dự báo tình hình để tạo điều kiện chủ động, linh hoạt và ứng phó nhanh với những biến động về kinh tế - tài chính trong và ngoài nước.

Hai là, coi trọng vai trò của việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về cải cách tài chính công. Coi trọng tính cân đối, hiệu quả trong tất cả các khâu huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, việc cải cách tài chính công phải được đặt trong tổng thể hoàn thiện thể chế kinh tế với lộ trình, bước đi hài hòa với trình độ, yêu cầu phát triển của nền kinh tế, với thời cơ, thách thức và các cam kết hội nhập; đảm bảo sự đồng bộ từ tư duy, cơ chế, chính sách đến bộ máy và hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật. Việc phân cấp, phân quyền, trao quyền tự chủ, tự quyết cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân phải đi đôi với hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

Bốn là, phải giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính. Đảm bảo gắn kết chặt chẽ cơ chế, chính sách tài chính với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc ban hành các chính sách mới làm tăng chi ngân sách nhà nước phải căn cứ khả năng nguồn lực; kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước phải nằm trong khung cân đối ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.

Năm là, phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về tài chính, đảm bảo chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính, tham mưu xây dựng chính sách; phối hợp đồng bộ vai trò lãnh đạo của Đảng; hiệu quả, hiệu lực của bộ máy hành chính.

#### **4. Mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính công giai đoạn 2021 - 2030**

Thứ nhất, xây dựng và thực hiện chính sách động viên hợp lý, có sức cạnh tranh nhằm nâng cao môi trường thu hút vốn đầu tư để phát triển kinh doanh của mọi thành phần kinh tế, trong đó, trọng tâm là khu vực kinh tế tư nhân.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thu đi đôi với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước, hướng đến xây dựng một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, đảm bảo nhu cầu chi tiêu cần thiết, hợp lý của ngân sách nhà nước. Mở rộng cơ sở thuế, áp dụng mức thuế suất hợp lý, đảm bảo công bằng, bình đẳng về thuế giữa các đối tượng nộp thuế; đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế; tạo môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi và thúc đẩy đầu tư, đảm bảo lợi ích quốc gia về quyền thu thuế, tạo điều kiện cho người nộp thuế tích tụ, khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển.

Thực hiện đơn giản hóa hệ thống chính sách ưu đãi thuế thông qua việc rà soát lại các ưu đãi, thu hẹp lại các phạm vi, lĩnh vực, ngành nghề, tránh ưu đãi dàn trải, chỉ tập trung ưu đãi cho những ngành, nghề mũi nhọn hoặc đặc biệt cần khuyến khích hoặc đầu tư vào địa bàn cần ưu đãi. Hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách miễn, giảm thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, chống thất thoát, gian lận thuế; tăng cường hiệu quả công tác chống chuyển giá.

Tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt là pháp luật về đất đai, định giá, xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục tình trạng lãng phí nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản... Rà soát, hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Thứ hai, phân phối, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính quốc gia, tài chính công và ngân sách nhà nước. Thực hiện tăng tỷ trọng tiết kiệm tích lũy trong tài chính quốc gia, tài chính công và ngân sách nhà nước để tăng đầu tư xã hội, đầu tư từ tài chính công và ngân sách nhà nước. Thực hiện chỉ bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển và giảm dần tích cực tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so GDP, đảm bảo an toàn nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia.

Đổi mới, xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý ngân sách nhà nước nhằm tăng cường hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước với quá trình tái cơ cấu kinh tế. Nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với thúc đẩy kêu gọi hợp tác theo hình thức PPP, thu hút sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội, đảm bảo việc phân bổ nguồn lực được định hướng vào các mục tiêu kinh tế - xã hội trong trung và dài hạn đã đặt ra, đồng thời khắc phục tình trạng dàn trải trong phân bổ nguồn lực. Tạo cơ chế tài chính để các địa

phương thu hút các nguồn lực cho phát triển phù hợp với quy hoạch, tiềm lực và đặc điểm của từng địa phương.

Đổi mới phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm mục tiêu đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Nghiên cứu đổi mới phương thức phân cấp nguồn thu giữa trung ương và địa phương đối với các sắc thuế chủ yếu, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển của Việt Nam đến năm 2030.

Thứ ba, tiếp tục cơ cấu lại nợ công, đảm bảo an ninh, an toàn nền tài chính công. Triển khai nghiệp vụ cơ cấu lại danh mục nợ Chính phủ phù hợp với điều kiện thị trường. Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; cải thiện cân đối ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển và trả nợ vay.

Tiếp tục cơ cấu nợ theo hướng bền vững. Đẩy mạnh tái cơ cấu danh mục nợ Chính phủ; tăng cường quản trị rủi ro, thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro nợ công trong kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Đảm bảo cân đối, bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản gốc, lãi của Chính phủ; ưu tiên bố trí nguồn tăng thu, tiết kiệm chi cho chi trả nợ để giảm dư nợ Chính phủ, nợ công.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cần được xây dựng trong khuôn khổ, khả năng cân đối và đảm bảo tính bền vững của chính sách tài khóa. Nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm dần sự tham gia từ ngân sách nhà nước (đặc biệt là các khoản vay của Chính phủ) vào các dự án, xã hội hóa các nguồn lực ngoài nhà nước.

Kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ dự phòng của ngân sách nhà nước, nợ nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng. Chính phủ cho vay lại từ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; không phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn quốc tế, vay thương mại nước ngoài để cho vay lại. Kiểm soát các khoản nợ tiềm ẩn có thể phát sinh từ nợ của khu vực các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, tín dụng trong nền kinh tế...

Tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường vốn trong nước, thị trường trái phiếu Chính phủ cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng đa dạng hóa công cụ nợ; tiếp tục mở rộng cơ sở nhà đầu tư, ưu tiên phát triển nhà đầu tư dài hạn và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường vốn, thị trường trái phiếu.

Thứ tư, đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cùng với đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công.

Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các chính sách liên quan đến việc đổi mới cơ chế tài chính các đơn vị sự nghiệp công; hoàn thành việc giao quyền tự chủ toàn diện cho khu vực sự nghiệp công lập trên cơ sở thực hiện tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình, đảm bảo công khai, minh bạch; chuyển một số loại phí, lệ phí sang giá dịch vụ, đồng thời thực hiện chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

Chuyển mạnh cơ chế cấp phát theo dự toán sang cơ chế thanh toán theo hình thức đặt hàng, đấu thầu các dịch vụ sự nghiệp công nhằm tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

Tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, sử dụng nguồn nhân lực và nguồn lực tài chính gắn với yêu cầu nâng cao trách nhiệm giải trình về kết quả của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Tăng cường xã hội hóa cung cấp dịch vụ công; đồng thời, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị, tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác nhau. Hình thành các cơ chế phù hợp để nâng cao tính định hướng của ngân sách nhà nước trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước để phát triển các lĩnh vực sự nghiệp công, nhất là sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ và văn hóa xã hội.

Thứ năm, thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, đổi mới quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước theo các định hướng đề ra tại các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội. Thu gọn đối tượng doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế, tập trung nguồn lực đầu tư nhà nước vào các doanh nghiệp nhà nước có vị trí quan trọng, gắn với đảm bảo an ninh - quốc phòng.

Gắn trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, nhất là người đứng đầu để đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo phương án được phê duyệt, chú trọng về chất và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư chiến lược.

Nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch kết quả hoạt động theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Nâng cao hiệu quả quản lý của chủ sở hữu nhà nước, tiếp tục kiện toàn bộ máy, tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành và đơn vị có liên quan phù hợp với yêu cầu thực tiễn của quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

*Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Tài chính tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ*

## TỪ NGÀY 01/7/2021, HÀ NỘI THÍ ĐIỂM QUẢN LÝ MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ: BƯỚC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH LỚN

TP. Hà Nội đã có những bước chuyển lớn trong cải cách hành chính, thể hiện rõ nhất là sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính ở các cơ quan công quyền.

Đồng thời, TP. Hà Nội đã chính thức thực hiện thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị từ ngày 01/7/2021, đây là cơ hội lớn để tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng cải cách hành chính. Đó là quan điểm được nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Tiến Dĩnh nhấn mạnh khi trao đổi với phóng viên báo Kinh tế và Đô thị.

### Công việc không còn bị “cắt khúc”

**Phóng viên:** Từ thực tế, ông đánh giá thế nào về những chuyển biến trong công tác cải cách hành chính của TP. Hà Nội thời gian qua. Với việc triển khai chính quyền đô thị, trong công tác này, TP. Hà Nội sẽ đứng trước những cơ hội và thách thức mới ra sao, thưa ông?

**Ông Nguyễn Tiến Dĩnh:** Thời gian qua, qua theo dõi thông tin về công tác cải cách hành chính tại TP. Hà Nội tôi thấy, thực sự thành phố đã có những bước chuyển rất lớn. Điều này thể hiện ở việc số lượng thủ tục hành chính được rút gọn lớn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào điều hành, các dịch vụ công trực tuyến. Người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính đã nhận được kết quả rất nhanh, những vướng mắc đều được giải quyết kịp thời, sự hài lòng tăng lên. Đó là điều rất đáng mừng.

TP. Hà Nội đã chính thức thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị tại các phường của 12 quận và thị xã Sơn Tây, theo tôi, đây cũng chính là một bước cải cách hành chính lớn. Bản chất là TP. Hà Nội thí điểm mô hình 2 cấp chính quyền (thành phố, quận) và một cấp đại diện (phường). Trước kia ở phường, mọi quyết sách đều phải được Hội đồng nhân dân thông qua trước, thậm chí cấp ủy họp trước, nên có độ trễ lớn trong hoạt động hành chính. Trong khi với đô thị đòi hỏi phải liên thông, bởi ở 1 quận, 1 phường thì tất cả kết cấu hạ tầng, giao thông, an ninh trật tự... đều liên quan nhau. Do đó, sự thay đổi mô hình chính quyền này được kỳ vọng sẽ tạo ra thống nhất cao trong chỉ đạo, mọi công việc “trôi” nhanh, không còn bị cắt khúc như trước, bởi trên cơ sở quyết định của thành phố và quận, có phân cấp phân quyền mạnh hơn nên phường sẽ triển khai thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật nhanh, sát dân hơn, chắc chắn đáp ứng được yêu cầu của Nhân dân.

Tuy nhiên, bài toán đặt ra là chất lượng đội ngũ cán bộ công chức phường có đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới? Trước kia, vấn đề gì cũng phải thông qua Hội đồng nhân dân phường quyết rồi mới triển khai, nay không còn chuyện “ỷ lại”, mà Ủy ban nhân dân phường hoàn toàn thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên. Triển khai ngay nên sẽ rất nhanh, kèm theo đó là chịu trách nhiệm và sẽ có phân cấp phân quyền nhiều hơn.

Cũng vì thực thi nhiệm vụ luôn theo chỉ đạo của quận và thành phố, với tư cách là cấp đại diện chính quyền của quận ở phường, nên cần kịp thời, thể hiện trách nhiệm rõ hơn. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường do quận bổ nhiệm, cùng toàn bộ cán bộ, công chức phường đã trở thành công chức quận (công chức hành chính), nên mấu chốt là cần nâng cao thái độ phục vụ, đạo đức công vụ, trách nhiệm và năng lực thực hiện; không thể tiếp tục rề rà, ỷ lại, lầy lý do khó khăn này khác để bao biện...

**Phóng viên:** Vậy theo ông, cải cách thủ tục hành chính nói riêng và cải cách hành chính nói chung cần có những giải pháp thế nào để ngày càng giải quyết công việc nhanh gọn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân?

**Ông Nguyễn Tiến Dĩnh:** Cải cách thủ tục hành chính là giảm bớt thủ tục do cấp trên quy định, song ở cấp phường cần xem xét đề xuất cấp trên giảm bớt thủ tục đáp ứng yêu cầu của người dân, đồng thời phải tuân thủ đúng và không sinh ra thủ tục khác, với thái độ làm việc tốt ở mọi bộ phận, nhất là ở “một cửa”, thể hiện từ lãnh đạo đến cán bộ, công chức thực hiện trên tinh thần lấy người dân là trung tâm phục vụ. Bởi thước đo cuối cùng đánh giá chất lượng chính quyền chính là sự hài lòng của người dân.

Trước những băn khoăn về việc định biên cán bộ, công chức không nhiều, phải đáp ứng được khối lượng công việc rất lớn, nhất là với phường quy mô lớn, tôi cho rằng cần rà soát lại, những vị trí không thể tuyển dụng nữa thì cần nâng cao chất lượng, đánh giá và sàng lọc cho tốt, song song với tính toán chế độ chính sách. Đã nhỏ về lượng thì phải tinh về chất. Trước là công chức phường nhưng nay đã là công chức đại diện của cấp quận tại phường đó rồi, nên phải đủ đáp ứng về tinh thần thái độ, tiêu chuẩn chất lượng.

Dù tổ chức bộ máy gọn lại, chính quyền không còn phải qua cấp trung gian, không có độ trễ trong các quyết định hành chính nữa, nhưng vẫn không thực sự hiệu quả nếu con người không thay đổi để đạt chất lượng yêu cầu, bởi cán bộ, công chức vừa là đối tượng thực thi vừa là người đề xuất quy định, chính sách. Muốn nâng chất lượng cán bộ, công chức thì phải tăng rà soát đánh giá, có hỗ trợ, thưởng phạt kịp thời, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ quận về...

### **Nắm bắt cơ hội gia tăng sự hài lòng của người dân**

**Phóng viên:** Cũng liên quan đến cải cách hành chính, trong chính quyền đô thị có việc cán bộ tư pháp - hộ tịch được lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường ủy quyền ký hồ sơ chứng thực. Để thực hiện đạt hiệu quả, ông cho rằng cần có quy định rõ ràng thế nào?

**Ông Nguyễn Tiến Dĩnh:** Việc này thể hiện phân cấp phân quyền nhiều hơn, song nếu công chức được ủy quyền quyết định một vấn đề nhưng sử dụng quyền lực đó không tốt thì sẽ rất nguy hại. Quan điểm cần rõ ràng là trách nhiệm và quyền hạn đi đôi nhau, nhưng vấn đề còn là chất lượng của công chức đó. Trước kia chỉ là người tham mưu, còn có Chủ tịch hay Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ký hồ sơ, tức là còn có người khác chịu trách nhiệm, rà soát lại; nhưng nay công chức được quyết định ngay, nên nếu không có trình độ, kỹ năng nghiệp vụ hoặc có thái độ trách nhiệm hay đạo đức công vụ không tốt thì hậu quả khôn lường.

Một quyết định hành chính có sai sót thì không dễ chỉnh sửa, ảnh hưởng trực tiếp đến người dân; hơn nữa, nếu giấy tờ giả mạo được mang đi giao dịch, hoặc công chức hời hợt nhìn liếc qua, không phát hiện văn bản là gốc hay không phải gốc, giả hay thật, đến lúc chứng thực xong, được phát hành thì rất nguy hại. Thực tế hiện nay nhờ công nghệ có thể chỉnh sửa dễ dàng..., nên công chức tư pháp cần có kỹ năng rất tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Suy cho cùng, cải cách hành chính đến đâu thì vẫn là xoay quanh cải cách con người.

**Phóng viên:** Như ông đã nói, thực hiện chính quyền đô thị chính là bước cải cách hành chính lớn, vậy TP. Hà Nội cần làm gì để nắm bắt cơ hội này, góp phần gia tăng hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính?

**Ông Nguyễn Tiến Dĩnh:** Tôi nhận thấy chính quyền đô thị hoàn toàn có thể tạo cơ sở để gia tăng sự hài lòng của người dân, quan trọng là thành phố thực hiện ra sao. Bộ máy đã tinh gọn hơn, không còn cấp trung gian, không còn độ trễ trong giải quyết công việc, nhất là cấp phường có trách nhiệm, quyền hạn rất cụ thể và công chức chuyên môn sẽ được phân cấp phân quyền nhiều hơn, nhưng nếu đội ngũ chưa chuyển biến, phục vụ vẫn cửa quyền, người dân vẫn chậm được giải quyết thủ tục hành chính và cán bộ, công chức lầy lý do nhiều việc quá (như trường hợp khai tử ở phường Văn Miếu trước đây)... thì không thể đạt được mục tiêu này.

Tôi muốn nhấn mạnh, cùng với cố gắng trong cả 6 lĩnh vực của công tác cải cách hành chính thì yếu tố có tính quyết định gia tăng sự hài lòng của người dân chính là chất lượng, tinh thần thái độ, trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. TP. Hà Nội có điều kiện lớn để nâng cao chỉ số SIPAS, phụ thuộc bộ máy chỉ đạo của thành phố, quận cho đến sự vận hành của phường, đội ngũ cán bộ, công chức - nếu không đạt được những điều kiện này thì thậm chí chỉ số đó còn tụt lùi.

**Phóng viên:** Trân trọng cảm ơn ông!

*Nguồn: kinhtedothi.vn*

## BÀI 1:

### BÀI HỌC CẢI CÁCH: KHÔNG GÌ LÀ KHÔNG THỂ

Tiếp cận điện năng là một trong 10 chỉ số đo lường chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia theo xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu của Ngân hàng Thế giới (WB).

Năm 2013, tiếp cận điện năng của Việt Nam bị xếp thứ 156, trong đó có 6 thủ tục, thời gian là 115 ngày và chi phí bằng 1.726,4% GDP/người.

Các thủ tục đó bao gồm: (i) khách hàng đăng ký cấp điện mới và thỏa thuận đấu nối mất 30 ngày; (ii) công ty điện lực khảo sát để cấp điện mất 1 ngày; (iii) khách hàng có giấy phép đào đường kết nối ngầm dưới đất tại Sở Giao thông vận tải mất 15 ngày; (iv) khách hàng thuê công ty tư nhân thiết kế và xây dựng công trình bên ngoài mất 63 ngày; (v) khách hàng được



cấp giấy chứng nhận thiết kế Trạm biến áp từ Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy mất 30 ngày; và (vi) khách hàng được lắp công tơ và ký hợp đồng mua bán điện mất 7 ngày.

Cải thiện chất lượng tiếp cận điện năng liên tục là một nội dung cơ bản của Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia giai đoạn 2015 - 2020.

Năm 2016, chúng kiến bước đầu cải thiện chỉ số tiếp cận điện năng; thời gian tiếp cận điện giảm được 66 ngày, xuống còn 49 ngày. Kể từ đó, chỉ số tiếp cận điện năng liên tục cải thiện mạnh trên tất cả các chỉ số thành phần.

	Việt Nam					Châu Á - Thái bình dương	OECD
	DB2016	DB2017	DB2018	DB2019	DB2020		
<b>3. Tiếp cận điện năng</b>	<b>108</b>	<b>96</b>	<b>64</b>	<b>27</b>	<b>27</b>		
Số lượng thủ tục	5	5	5	4	4	4,2	4,4
Thời gian (ngày)	49	46	46	31	31	63,2	74,8
Chi phí (% thu nhập bình quân đầu người)	1322,6	1261,3	1191,8	1087,3	994,2	594,6	61,0
Chất lượng cung ứng điện và minh bạch về giá điện (0-8)	3	4	6	7	7	4	7,4

### Diễn biến chỉ số tiếp cận điện năng Việt Nam 2016 - 2020

Đến năm 2020, còn 4 thủ tục, 31 ngày để tiếp cận điện; chi phí bằng khoảng 994% GDP/người; chất lượng cung ứng điện và minh bạch về giá đạt mức cao 7/8 điểm; và kết quả là xếp hạng thứ 27. So với năm 2015, thứ hạng tăng 108 bậc, cắt giảm 2 thủ tục, giảm 84 ngày.

Như vậy, chỉ số tiếp cận điện năng đã có cải thiện vượt bậc; một điển hình chứng tỏ không gì là không làm được trong cải cách cải thiện môi trường kinh doanh.

### Kết quả ngoạn mục

Tại sao lại đạt được kết quả ngoạn mục nói trên?

Ở góc độ doanh nghiệp, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngay từ đầu. Họ thành lập “tổ đặc nhiệm” thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP; trực tiếp làm việc với nhóm xây dựng DoB của Ngân hàng thế giới để tìm hiểu về phương pháp luận, cách tính chỉ số tiếp cận điện trên thực tế, bài học kinh nghiệm quốc tế; khảo sát thực tế về thực trạng tiếp cận điện của doanh nghiệp; xác định các thủ tục và thời gian thực hiện các thủ tục v.v...

Từ đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác định các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải pháp đưa thành nội dung có liên quan của nghị quyết. Cách làm nói trên liên tục được duy trì

từ 2014 cho đến nay. Nhờ đó, các giải pháp cải thiện chỉ số tiếp cận điện thường khá cụ thể; được bổ sung, cập nhật và làm mới hàng năm.

Các giải pháp không chỉ xác định các thông tư, nghị định cần sửa đổi, mà cả các yêu cầu sửa đổi cụ thể trực tiếp giải quyết các vướng mắc, khó khăn đã xác định nhằm cắt giảm thủ tục và rút ngắn thời gian tiếp cận điện để đạt tối đa có thể mục tiêu đề ra.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam cũng tích cực, chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; và thúc đẩy sự phối hợp giữa các sở và ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết các vấn đề, vướng mắc thuộc thẩm quyền của địa phương.

Khi nghị định, thông tư có liên quan đã bổ sung, sửa đổi, Tập đoàn Điện lực Việt Nam chủ động triển khai thực hiện; tổ chức tập huấn, phổ biến các nghị định, thông tư cải cách thủ tục liên quan đến chỉ số tiếp cận điện năng cho 63 tỉnh/thành phố. Đồng thời, thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố chỉ đạo các sở/ban/ngành liên quan cải cách hành chính. Nhờ đó, đã có 56/63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ban hành cơ chế liên thông trong cấp điện qua lưới điện trung áp giữa Điện lực và các sở/ban/ngành địa phương.

Tuy nhiên, nếu mình Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì sẽ không đủ. Cải cách đáng kể này còn được tiếp sức, ủng hộ của rất nhiều các Bộ, ngành, của hệ thống nói chung.

### **\* Bài 2: Khi các Bộ, ngành xắn tay cải cách**

Chỉ số tiếp cận điện năng tăng trưởng vượt bậc trong bảng xếp hạng Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới. Năm 2020, chỉ số này xếp hạng thứ 27, tăng 108 bậc, cắt giảm 2 thủ tục, giảm 84 ngày so với năm 2015.

Các Bộ, ngành đã nỗ lực như thế nào để thúc đẩy cuộc cải cách này?

Bộ Công thương, mà trực tiếp là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chủ trì chịu trách nhiệm về việc cải thiện chỉ số tiếp cận điện. Các cơ quan phối hợp bao gồm Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên phạm vi của tỉnh, thành phố có các sở Công thương (chủ trì), sở Xây dựng, kiến trúc, Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các quận, huyện v.v...

Ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công thương cũng ý thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của cải thiện chỉ số tiếp cận điện. Bộ đã tích cực và nhanh chóng sửa đổi các thông tư nhằm hỗ trợ Tập đoàn Điện lực Việt Nam giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong việc tiếp cận điện. Trong 5 năm, Bộ đã 4 lần sửa đổi thông tư số 33 theo kiến nghị của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Cải cách, cải thiện chỉ số tiếp cận điện hoàn toàn phù hợp với lợi ích và yêu cầu phát triển ngành điện nói chung và Tập đoàn Điện lực Việt Nam nói riêng. Vì vậy, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã chủ động thực hiện nhiều công việc ngoài yêu cầu của Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP.

Cụ thể, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã chuẩn hóa, mẫu hóa, đơn giản hóa và điện tử hóa tất cả quy trình và thủ tục hành chính nội bộ; đi đầu trong chuyển đổi số, cung cấp các dịch vụ số phục vụ khách hàng. Những cải thiện điểm số chỉ số sau cấp điện phần nhiều là kết quả của

các nỗ lực trong việc áp dụng các thiết bị, công nghệ hiện đại trong vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện v.v...

Cuối cùng, các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số cấp điện trong các nghị quyết đều thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Công thương và các cấp chính quyền địa phương.

### **Động lực cho cải cách**

Từ các thành công và nguyên nhân thành công trong cải thiện chỉ số tiếp cận điện, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây cho tiến trình cải cách:

Một là, có thể cải thiện vượt bậc chỉ số môi trường kinh doanh từ hạng nhóm cuối bảng lên đầu bảng trong một thời gian không dài; qua đó, có cải thiện thực chất chất lượng tương ứng của môi trường kinh doanh.

Hai là, sự phù hợp giữa lợi ích của cải và lợi ích của cơ quan, tổ chức chủ trì thực thi cải cách sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ, bền vững cho cải cách. Họ sẽ sáng tạo, năng động, phát huy hết năng lực trong thực thi nhiệm vụ được giao để đạt mục tiêu cao nhất có thể.

Ba là, bám sát thực tiễn, nhanh chóng đưa thực tiễn vào chính sách để chính sách quay trở lại phục vụ giải quyết các vấn đề thực tiễn. Từ đó, các rào cản bất hợp lý sẽ được xóa bỏ; cách thức và công nghệ quản lý hiện đại sẽ được áp dụng, và cuối cùng, chất lượng môi trường kinh doanh sẽ được cải thiện.

Trong giai đoạn tiếp theo đây, duy trì thứ hạng, cải thiện điểm số của tiếp cận điện năng vẫn tiếp tục là nhiệm vụ của chương trình cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh. Những giải pháp cải cách phải đi vào chiều sâu, có thể bao gồm:

Nghiên cứu triển khai áp dụng các thông lệ quốc tế tốt của các quốc gia hàng đầu về chỉ số tiếp cận điện năng.

Đồng bộ các giải pháp trong công tác đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống điện để đưa yếu tố độ tin cậy cung cấp điện và minh bạch giá điện đạt điểm tuyệt đối 8/8. Các chỉ số độ tin cậy cung cấp điện: Số lần mất điện bình quân của khách hàng (SAIFI)  $\leq 1$  lần/năm; thời gian mất điện bình quân của khách hàng (SAIDI)  $\leq 1$  giờ/năm.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa lưới điện phân phối để chủ động phát hiện sớm, xử lý sớm sự cố, tự động đóng cắt, tự động tính toán các chỉ số SAIDI, SAIFI.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu lưới trung thế, hạ thế, áp dụng công nghệ bản đồ số (GIS), tích hợp các hệ thống phần mềm quản lý, trang bị phần mềm ứng dụng hiện trường cho người lao động để thực hiện cho các công việc nhằm cắt giảm thủ tục nội bộ giữa các bộ phận (cung cấp vật tư lắp đặt, phê duyệt hồ sơ thủ tục...) để rút ngắn thời gian và cắt giảm thủ tục với khách hàng ở các bước khảo sát, cấp điểm đầu nối.

Kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp, đất đai liên thông và cắt giảm hồ sơ khách hàng phải cung cấp, đồng thời chủ động tiếp cận đến khách hàng ngay từ khi khách hàng bắt đầu đăng ký thành lập doanh nghiệp.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## **QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Ngày 05/07/2021, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công ký Quyết định số 62/QĐ-BCĐCCTLBHXH của Ban Chỉ đạo trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

Theo đó, Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập thể thảo luận, Trưởng ban kết luận và chỉ đạo thực hiện; thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, phân công nhiệm vụ cụ thể, phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Chỉ đạo trong triển khai hoạt động chung và thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo là nghiên cứu, xây dựng và đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW.

Phối hợp với các Bộ, cơ quan nghiên cứu các chính sách kinh tế-xã hội có liên quan đến chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.

Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; giải pháp tạo nguồn cho cải cách chính sách tiền lương, cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; đề xuất các biện pháp để xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

Phạm vi chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, giải pháp tạo nguồn để thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công và các chính sách kinh tế - xã hội liên quan nêu trên, bao gồm:

Về chính sách tiền lương: Mức lương cơ sở, quan hệ mức lương thấp nhất - trung bình - tối đa và tương quan tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức các ngành nghề và lực lượng vũ trang; các thang lương, bảng lương; ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức vụ, chức danh lãnh đạo tương đương, bậc lương; nâng bậc lương; chế độ trả lương

và các chế độ phụ cấp đối với người hưởng lương thuộc khu vực nhà nước (từ Trung ương đến cấp xã).

Tiền lương đối với người lao động làm việc ở các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

Về chính sách bảo hiểm xã hội, gồm bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm hưu trí bổ sung.

Về chính sách ưu đãi người có công, gồm: Chế độ trợ cấp ưu đãi hàng tháng và chế độ trợ cấp một lần đối với người có công với cách mạng, các chính sách ưu đãi khác đối với người có công

Giải pháp tạo nguồn để thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

Quy chế cũng quy định cụ thể nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo.

*Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## **BỘ CÔNG AN: QUY ĐỊNH MỚI VỀ MẪU HỘ CHIẾU, GIẤY THÔNG HÀNH**

Ngày 29/6/2021, Bộ Công an ban hành Thông tư số 73/2021/TT-BCA quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

Theo đó, mẫu tờ khai đề nghị cấp, gia hạn và trình báo mất hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực.

Mẫu tờ khai đề nghị cấp, trình báo mất giấy thông hành và cấp giấy chứng nhận nhập cảnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.

Đối với quy cách, kỹ thuật chung của mẫu hộ chiếu và mẫu giấy thông hành, Thông tư quy định cụ thể mẫu hộ chiếu có mặt ngoài của trang bìa in quốc hiệu, quốc huy, tên hộ chiếu; hộ chiếu có gắn chip điện tử có biểu tượng chip điện tử. Hình ảnh tại các trang trong hộ chiếu là cảnh đẹp đất nước, di sản văn hóa Việt Nam kết hợp cùng họa tiết trống đồng. Ngôn ngữ sử dụng trong hộ chiếu là tiếng Việt và tiếng Anh.

Kích thước của hộ chiếu theo tiêu chuẩn ISO 7810 (ID-3); chip điện tử được đặt trong bìa sau của hộ chiếu có gắn chip điện tử; bìa hộ chiếu là loại vật liệu nhựa tổng hợp, có độ bền cao. Chữ, số hộ chiếu được đục lỗ bằng công nghệ laser thông suốt từ trang 1 tới bìa sau cuốn hộ chiếu và trùng với chữ, số ở trang 1. Toàn bộ nội dung, hình ảnh in trong hộ chiếu được

thực hiện bằng công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu bảo an, chống nguy cơ làm giả và đạt tiêu chuẩn ICAO...

Đối với mẫu giấy thông hành thì mặt ngoài của trang bìa in quốc hiệu, quốc huy, tên giấy thông hành. Ngôn ngữ sử dụng trong giấy thông hành: Tiếng Việt và tiếng Campuchia đối với giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia; tiếng Việt và tiếng Lào đối với giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào; tiếng Việt và tiếng Trung Quốc đối với giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Các ấn phẩm trắng hộ chiếu, giấy thông hành đã cung cấp cho các cơ quan trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa cấp hết thì được tiếp tục sử dụng, chậm nhất đến ngày 01/01/2022 phải thực hiện thống nhất theo mẫu hộ chiếu, giấy thông hành quy định tại Thông tư này. Hộ chiếu, giấy thông hành đã được cấp trước ngày 01/01/2022 có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong hộ chiếu, giấy thông hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/8/2021.

*Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## **BỘ NỘI VỤ: PHÊ DUYỆT 25 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA KẾT NỐI VỚI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA**

Ngày 08/7/2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định số 798/QĐ-BNV phê duyệt danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa, một cửa liên thông của Bộ Nội vụ kết nối với Công dịch vụ công Quốc gia.

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục 25 thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa, một cửa liên thông của Bộ Nội vụ kết nối với Công dịch vụ công Quốc gia, bao gồm:

12 thủ tục hành chính lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng: Thủ tục khen thưởng Huân chương Độc lập cho tập thể, cá nhân theo công trạng và thành tích đạt được; Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân theo công trạng và thành tích đạt được; Thủ tục khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; Thủ tục tặng Cờ thi đua của Chính phủ theo công trạng và thành tích đạt được; Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân theo công trạng và thành tích đạt được; Thủ tục khen thưởng Huân chương lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất; Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích đột xuất; Thủ tục tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề; Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề; Thủ tục khen thưởng

Huân chương Lao động cho cá nhân có quá trình cống hiến; Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho gia đình; Thủ tục tặng thưởng Huân chương Dũng cảm.

10 thủ tục hành chính lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo: Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo; Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung; Thủ tục đề nghị cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo hoặc đào tạo tôn giáo ở nước ngoài; Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội không thuộc quy định tại điểm a và điểm b Khoản 3 Điều 45 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

03 thủ tục hành chính lĩnh vực Tổ chức Quý, Hội: Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội; Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.

*Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH**

Ngày 30/6/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ .

Các Thủ tục hành chính được công bố tổng số: 76 thủ tục, trong đó:

Thứ nhất, các thủ tục hành chính mới gồm: 02 thủ tục liên quan đến dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thông báo hủy bỏ quyết định giải thể doanh nghiệp.

Thứ hai, các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế gồm: 54 thủ tục (Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 49 thủ tục; cấp huyện: 05 thủ tục) tập trung vào các nội dung: Đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi một số nội dung liên quan đến doanh nghiệp (địa chỉ trụ

sở chính, tên doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, thành viên, cổ đông...) đối với từng loại hình doanh nghiệp khác nhau.

Thứ ba, các thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ và hủy công khai gồm: 20 thủ tục tập trung vào các nội dung: Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu, thay đổi đăng ký hoạt động, cập nhật thông tin cổ đông, chuyển đổi loại hình công ty, chuyển đổi chủ sở hữu...

Bên cạnh đó, Bộ Thủ tục cũng quy định cụ thể đối với từng thủ tục hành chính: Trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; cơ quan thực hiện: mẫu đơn, tờ khai; phí, lệ phí (nếu có); kết quả thực hiện thủ tục; điều kiện thực hiện; căn cứ pháp lý.

Quyết định này được ban hành thay thế Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Quyết định số 1258/QĐ-BKHĐT ngày 27/8/2019 và Quyết định số 1523/QĐ-BKHĐT ngày 19/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp. Đây là bước đi trong tiến trình xây dựng hệ thống thủ tục hành chính đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý ngành đặt ra.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*



## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Bộ Chính trị:

Quyết định ông Lê Đức Thọ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Viettinbank) thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank để tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, điều động, phân công giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định ông Nghiêm Xuân Thành, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương nhiệm kỳ 2020-2025 và thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Vietcombank; điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

### \* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Quyết định bổ nhiệm ông Phan Văn Hùng, Ủy viên Ban Biên tập, Giám đốc Trung tâm Truyền hình Nhân Dân giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, kể từ ngày 28/6/2021.

### \* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Cử ông Tô Anh Dũng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, thay ông Bùi Thanh Sơn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Chu Ngọc Anh, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Hồng Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Trọng Đông, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Dương Đức Tuấn, Thành ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Hà Minh Hải, Thành ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Chử Xuân Dũng, Thành ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Mạnh Quyền, Thành ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Võ Văn Hưng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: ông Hà Sỹ Đồng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Hoàng Nam, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Đặng Văn Minh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Trần Hoàng Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Ngãi; ông Võ Phiên, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Trần Phước Hiền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Đỗ Minh Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Nguyễn Văn Thi, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Mai Xuân Liêm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Đầu Thanh Tùng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Lê Đức Giang, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Hoàng Quốc Khánh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Bà Tráng Thị Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Lê Hồng Minh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Nguyễn Thành Công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Đặng Ngọc Hậu, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Bùi Văn Quang, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Hồ Đại Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Nguyễn Thanh Hải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Phan Trọng Tấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Trí Thanh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Trần Văn Tân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Nguyễn Hồng Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Hồ Quang Bửu, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Triệu Thế Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Lưu Văn Bản, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Nguyễn Minh Hùng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhiệm kỳ

2016 - 2021; ông Trần Văn Quân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Bùi Văn Khánh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Nguyễn Văn Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Nguyễn Văn Chương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Quách Tất Liêm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Đinh Công Sứ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Út, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Nguyễn Minh Lâm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Phạm Tấn Hòa, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Khắc Thận, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Nguyễn Quang Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021; bà Trần Thị Bích Hằng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Lại Văn Hoàn, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Sơn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Hoàng Giang Long, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Trần Đức Quý, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021; bà Hà Thị Minh Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Đình Nghị, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Trần Anh Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2016 - 2021; bà Hà Lan Anh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Trần Lê Đoàn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Thành Đô, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Phạm Đức Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Vừ A Bằng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Lò Văn Tiến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Nguyễn Hương Giang, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Vương Quốc Tuấn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Đào Quang Khải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Ngô Tân Phụng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Huy Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Nguyễn Thế Phước, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Ngô Hạnh Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2016 - 2021 và bà Vũ Thị Hiền Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định số 1054/QĐ-TTg về thành viên của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2025:**

Theo quyết định, Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2025 gồm 28 thành viên. Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành làm Chủ tịch Hội đồng.

Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng (Phó Chủ tịch Thường trực), Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Văn Thể.

Ủy viên Hội đồng gồm Thứ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau) và Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam.

**\* Bộ Quốc phòng:**

Đại tá Trần Hải Bình, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tham mưu trưởng Bộ đội Biên phòng.

Đại tá Nguyễn Công Lực, Phó Cục trưởng Cục Cửa khẩu Bộ đội Biên Phòng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An.

Đại tá Đỗ Ngọc Cảnh, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

**\* Tỉnh Yên Bái:**

Ông Tạ Văn Long, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Vũ Quỳnh Khánh và Hoàng Thị Thanh Bình, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Huy Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Thế Phước, Ngô Hạnh Phúc, Vũ Thị Hiền Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

**\* Tỉnh Cao Bằng:**

Ông Triệu Đình Lê, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Nông Thanh Tùng, Phó Chủ tịch phụ trách Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI và Hoàng Văn Thạch, Bí thư Huyện ủy Thạch An được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Hoàng Xuân Ánh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Bích Ngọc, Nguyễn Trung Thảo, Lê Hải Hòa, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Hà Nam:**

Bà Lê Thị Thủy, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIV được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX.

Các ông: Đặng Thanh Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII và Bùi Văn Hoàng, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX.

Ông Trương Quốc Huy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Nguyễn Anh Chức, Nguyễn Đức Vượng, Trần Xuân Dưỡng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Nghệ An:**

Ông Thái Thanh Quý, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII.

Ông Nguyễn Nam Đình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Khối Các cơ quan tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Nguyễn Như Khôi, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Nguyễn Đức Trung, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Lê Hồng Vinh, Hoàng Nghĩa Hiếu, Lê Ngọc Hoa, Bùi Đình Long tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Bình Dương:**

Ông Phạm Văn Chánh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Võ Văn Minh, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bình Dương được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X.

**\* Tỉnh Vĩnh Long:**

Ông Bùi Văn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Minh Dũng, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Lê Thị Thúy Kiều, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Vĩnh Long được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lữ Quang Ngời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Lê Quang Trung, Nguyễn Thị Quyên Thanh và Nguyễn Văn Liệt, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*Nguồn: baohinhphu.vn*